

KHOẢN VAY 2968-VIE: DỰ ÁN HỖ TRỢ NÔNG NGHIỆP CÁC BON THẤP

BIÊN BẢN GHI NHỚ ĐOÀN ĐÁNH GIÁ

Từ ngày 08-22 tháng 3 năm 2019

I. GIỚI THIỆU

1. Ngày 12 tháng 12 năm 2012, ADB đã phê duyệt khoản vay với tổng số vốn 48,170,000 SDR (tương đương với 74.000.000 USD) cho nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam đối với Dự án Hỗ trợ Nông nghiệp Các bon thấp (Dự án LCASP). Hiệp định Vay được ký kết vào ngày 7 tháng 3 năm 2013, có hiệu lực vào ngày 5 tháng 6 năm 2013 và sẽ đóng tài khoản vay vào ngày 30 tháng 6/2019.

2. Tác động dự kiến của Dự án là giảm ô nhiễm môi trường do chất thải nông nghiệp, với chất lượng nước tốt hơn do giảm chất thải chăn nuôi. Kết quả dự kiến là gia tăng tác động của Quản lý toàn diện chất thải nông nghiệp (ứng dụng sản xuất nông nghiệp các bon thấp), được đánh giá với việc gia tăng sử dụng năng lượng Khí sinh học (KSH) sạch và phân bón hữu cơ. Để đạt được kết quả này, các đầu ra của Dự án là (i) Quản lý chất thải chăn nuôi; (ii) Tín dụng cho các chuỗi giá trị sinh học; (iii) Chuyển giao công nghệ sản xuất nông nghiệp các bon thấp và (iv) Quản lý dự án hiệu quả.

3. Việc thực hiện các hợp phần và tiểu hợp phần đang được thực hiện thông qua cơ quan chủ quản (EA), Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (MARD) do Ban Quản lý Dự án Trung Ương (Ban QLDA Trung ương) thuộc Ban Quản lý các Dự án Nông nghiệp (APMB) và 12 cơ quan thực hiện (IAs) bao gồm các Ủy ban Nhân dân tỉnh của 10 tỉnh tham gia dự án (Bắc Giang, Bến Tre, Bình Định, Hà Tĩnh, Lào Cai, Nam Định, Sóc Trăng, Sơn La và Tiền Giang) và 2 định chế tài chính (Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - VBARD và Ngân hàng Hợp tác Việt Nam – Co-opBank).

4. ADB đã tổ chức Đoàn đánh giá khoản vay và chuyển giao (Đoàn đánh giá)¹ trong khoảng thời gian từ ngày 11 đến 22 tháng 3 năm 2019. Mục đích của đoàn đánh giá là xem xét tiến độ dự án kể từ lần đánh giá mới nhất và giải quyết các vấn đề trong quá trình thực hiện. Đoàn đánh giá đã giới thiệu cán bộ dự án ADB mới, ông Vũ Ngọc Châu, người sẽ chịu trách nhiệm quản lý Dự án, cho Bộ NN & PTNT, CPMU và các cơ quan thực hiện dự án (IA).

5. Sau cuộc họp khởi động tại Hà Nội vào ngày 11 tháng 3 năm 2019, Đoàn đánh giá đã đến thăm các tỉnh Nam Định, Bắc Giang và Sóc Trăng từ ngày 11 đến 16 tháng 3 năm 2019. Đoàn đã gặp đại diện của EA và 12 IAs nhằm (i) rà soát tiến độ thực hiện tổng thể dự án; (ii) rà soát tình hình thực hiện của 24 hoạt động đã thống nhất từ Đoàn đánh giá trước vào tháng 9/2018; (iii) rà soát tiến độ thực hiện theo các hợp phần dự án; (iv) rà soát các hoạt động mua sắm, đấu thầu; (v) rà soát các hoạt động giám sát, đánh giá và báo cáo của dự án; (vi) rà soát chi phí và tài chính; (vii) rà soát tuân thủ hiệp định vay; (viii) rà soát các hoạt động quản lý môi trường; (ix) rà soát thực hiện các hoạt động an toàn xã hội; (x) rà soát thực hiện kế hoạch hành động giới; (xi) giải quyết các vấn đề còn

¹ Đoàn Đánh giá gồm có ông Hồ Lê Phong, Cán bộ dự án cao cấp (Tài nguyên và Nông nghiệp), người đã chuyển giao nhiệm vụ quản lý dự án cho ông Vũ Ngọc Châu, Cán bộ dự án (Tài nguyên và Nông nghiệp); Trương Thị Minh Huệ, Cán bộ phân tích dự án; Trần Thúy Hải, Chuyên gia về giới (Nhân viên tư vấn); Đỗ Thị Huyền, Chuyên gia môi trường (Nhân viên tư vấn) đã tham gia các chuyến thăm thực địa từ ngày 11 đến 16 tháng 3 năm 2019; và Đinh Kiều Oanh, Cán bộ phát triển xã hội đã tham gia cuộc họp kết thúc.

tồn động; và (xii) đi thực địa một số điểm mô hình thực hiện của của dự án. Đoàn đánh giá cũng đã họp rà soát tiến độ thực hiện các gói thầu nghiên cứu vào ngày 08/3/2019.

6. Biên bản ghi nhớ này ghi nhận tóm tắt các phát hiện của Đoàn đánh giá và các cam kết đạt được đối với việc thực hiện dự án, đây là những nội dung đã được thảo luận tại cuộc họp tổng kết ngày 22/3/2018 tại Hà Nội. Các thỏa thuận được ghi nhận trong Biên bản ghi nhớ này sẽ được các cấp cao hơn của ADB và Chính phủ thông qua. Danh sách những người đã gặp và làm việc tại Phụ lục 1.

II. PHÁT HIỆN CHÍNH VÀ CÁC VẤN ĐỀ

A. Tiến độ tổng thể dự án

7. Dự án đang được đánh giá ở mức “vấn đề tiềm năng”. Tính đến 28/2/2019, tổng tiến độ thực hiện dự án được ước tính là 62,8% dựa trên tiến độ trọng số của các hợp phần dự án (chi tiết được nêu trong Phụ lục 2) so với thời gian thực hiện khoản vay của ADB là 95%. Tổng chi tiêu lũy kế của dự án (bao gồm vốn vay và vốn đối ứng của ADB) là 25,164 triệu đô la, tương đương 62% tổng vốn dự án là 40,825 triệu đô la (chi tiết được trình bày trong Phụ lục 3).

8. Đối với vốn ADB, lũy kế trao thầu và giải ngân lần lượt là 26,566 triệu đô la và 26,401 triệu đô la, tương đương 71.07% và 70,63% trên tổng số vốn của dự án là 37,378 triệu đô la. Trong năm 2019, Dự án đã trao thầu 0,814 triệu đô la và giải ngân 0,374 triệu đô la so với kế hoạch dự kiến năm là 9,421 triệu đô la và 11,323 triệu đô la trao thầu và giải ngân, tương ứng.

9. Đối với vốn đối ứng, lũy kế giải ngân dự của vốn đối ứng là 2,231 triệu USD (tương đương 68% tổng kế hoạch là 3,281 triệu USD)

B. Tình hình thực hiện các hoạt động tiếp theo được thống nhất từ Đoàn đánh giá trước

10. Có 24 hành động tiếp theo được đồng ý bởi Đoàn đánh giá trước vào tháng 9 năm 2018. Hiện nay, 11 hành động đã được thực hiện, năm (5) hành động được thực hiện một phần, năm (5) hành động đang được thực hiện và ba (3) hành động chưa được thực hiện (các chi tiết được nêu trong Phụ lục 4).

C. Tiến độ thực hiện Dự án theo Hợp phần

Hợp phần 1: Quản lý chất thải chôn

11. **Mục tiêu điều chỉnh sau MTR.** Các chỉ số thực hiện chính trong hợp phần này gồm: (i) 65.000 công trình khí sinh học quy mô nhỏ, 40 công trình khí sinh học quy mô vừa và 2 công trình khí sinh học quy mô lớn và cơ sở hạ tầng chuỗi giá trị đi kèm được xây dựng và vận hành tới tháng 6 năm 2019. Tối thiểu 5% tổng số công trình khí sinh học quy mô nhỏ sẽ được xây dựng cho dân tộc thiểu số tại các Tỉnh dự án; (ii) Hỗ trợ tài chính ICMD được chuyển đầy đủ vào tối thiểu 65.042 tài khoản của người hưởng lợi tới tháng 6 năm 2019; (iii) 65.000 người sử dụng công trình khí sinh học quy mô nhỏ, 500 thợ xây, 500 kỹ thuật viên, 28 kỹ sư và 10 nhà thầu được đào tạo tới tháng 6 năm 2019. Tối thiểu 50% học viên về sử dụng khí sinh học là phụ nữ; 7% học viên về xây dựng công trình khí sinh học quy mô nhỏ, và 20% học viên được đào tạo về quản lý khí sinh học và các vấn đề kỹ thuật là phụ nữ; và (iv) Một cơ sở dữ liệu công trình khí sinh học duy nhất được quản lý hiệu quả tới năm 2017, bao gồm việc đăng ký dưới tên cả vợ và chồng

12. **Tiến độ.** Tính đến 28/2/2019, tiến độ đạt được của dự án như sau: (i) 57,738 SBPs², 60 MBPs³ and 2 LBPs⁴ đã được xây dựng, trong đó có 5,655 (9.8%) công trình khí sinh học được xây dựng cho các hộ dân tộc thiểu số; (ii) các quỹ ICMD đã được chuyển tới 56,601 tài khoản của những người hưởng lợi. Tiến độ xây dựng các công trình khí sinh học của tỉnh dự án được nêu trong Phụ lục 5; (iii) đào tạo được 110,346 người vận hành SBP (bao gồm 56,979 tương đương 51,6% là nữ), 552 thợ xây (bao gồm 29 tương đương 5,3% là nữ), 1.268 kỹ thuật viên (bao gồm 297 tương đương 23% là nữ), 28 kỹ sư (bao gồm 4 tương đương 14,3% là nữ) và 18 nhà thầu. Tổng cộng dự án đã cung cấp 2,321 khóa đào tạo. Chi tiết về kết quả đào tạo liên quan đến khí sinh học do CPMU và PPMU thực hiện được trình bày trong Phụ lục 6; và (iv) 44,006 công trình khí sinh học được tài trợ theo Dự án đã được ghi nhận trong cơ sở dữ liệu công trình khí sinh học quốc gia duy nhất.

13. Sự bùng phát gần đây của Dịch tả lợn châu Phi và giá thịt lợn thấp đã làm giảm nhu cầu xây dựng các công trình KSH (BP) ở một số tỉnh. Tỉnh Bình Định đề xuất tái phân bổ số tiền 8 tỷ đồng từ hợp phần này để nhân rộng các mô hình trình diễn thành công tại Hợp phần 3.

14. Đoàn đã không được phép đến thăm bất kỳ điểm công trình khí sinh học nào do lo ngại dịch tả lợn châu Phi bùng phát. Tuy nhiên, PPMU báo cáo rằng một số công trình KSH bị quá tải và hoạt động kém do người vận hành không tuân thủ đúng hướng dẫn vận hành của công trình KSH, khối lượng chất thải được thải ra quá lớn so với kích cỡ của các công trình KSH được xây dựng. Việc rò rỉ khí và lượng nước thải từ các công trình KSH do đó gây ra ô nhiễm và không thể tưới cho cây trồng hoặc thải ra môi trường. Các vấn đề này được xác định bởi các đoàn đánh giá trước đó. Rõ ràng người vận hành công trình KSH thiếu các kiến thức kỹ thuật để vận hành và bảo dưỡng công trình và không có động lực để xử lý vấn đề khi xảy ra.

Hợp phần 2: Tín dụng cho chuỗi giá trị khí sinh học (BVC) và các hạng mục quản lý chất thải nông nghiệp các bon thấp khác

15. **Mục tiêu sửa đổi sau Đánh giá giữa kỳ (ĐGGK).** Các chỉ số thực hiện chính cho hợp phần này là: (i) 50% người nhận tín dụng được đăng ký theo tài khoản chung của vợ và chồng hoặc đăng ký dưới tên của phụ nữ tính đến tháng 6/2019; và (ii) Ít nhất 15.000 hộ chăn nuôi được tiếp cận với tín dụng cho BVC và các khoản đầu tư khác vào quản lý chất thải nông nghiệp thông minh ứng phó với biến đổi khí hậu từ các Định chế tài chính tính đến tháng 6/2019.

16. **Tiến độ.** Chính phủ đã gửi yêu cầu chính thức để hủy 30 triệu đô la tiền cho vay được phân bổ cho hợp phần này vào ngày 17 tháng 12 năm 2018 và ADB đã phê duyệt việc hủy bỏ vào ngày 19 tháng 12 năm 2018. Cả hai định chế tài chính (FI), VBARD và Co-opbank, tiếp tục gặp khó khăn khi thực hiện các khoản vay phụ cho các trang trại chăn nuôi. Những thách thức chính là thiếu nhu cầu đối với hạn mức tín dụng này do tính chất hạn chế của nó (tức là chỉ dành cho việc xây dựng các công trình khí sinh học) và yêu cầu về tài sản thế chấp của các FI. Sự bùng phát gần đây của Dịch tả lợn Châu Phi cũng góp phần làm cho nhu cầu tín dụng thấp. Chỉ có 411 khoản vay phụ được cung cấp cho đến thời điểm hiện tại, không thay đổi kể từ lần đánh giá lần mới đây và tất cả những khoản này đều thuộc tài khoản chung theo yêu cầu của FI. Trong số 3,6 triệu đô la được

² SBP có công suất lên tới 50m³.

³ MBP có công suất 51 – 499 m³.

⁴ LBP có công suất trên 499 m³.

phân bổ cho hợp phần này, 3,2 triệu đô la đã được chuyển vào tài khoản tạm ứng của các FI. Tuy nhiên, họ chỉ sử dụng 0,79 triệu đô la tính đến ngày 28 tháng 2 năm 2019. VBARD và Co-opbank không thể cung cấp bất kỳ giải pháp nào về cách họ có thể cải thiện việc giải ngân hạn mức tín dụng và cam kết hoàn trả số tiền chưa sử dụng của khoản tạm ứng vốn vay cho ADB trước ngày 30 tháng 6 năm 2019. Tình trạng thực hiện hợp phần tín dụng được nêu trong Phụ lục 8.

Hợp phần 3: Chuyển giao công nghệ sản xuất nông nghiệp các bon thấp (CSAWMP)

17. **Mục tiêu điều chỉnh sau MTR.** Các chỉ số chỉ số thực hiện chính cho hợp phần này gồm: (i) Chiến lược nghiên cứu CSAWMP được phát triển và nghiên cứu để thích ứng với ít nhất 6 chủ đề CSAWMP được thực hiện vào tháng 6 năm 2019. Ít nhất 2 chủ đề nghiên cứu sẽ bao gồm các vấn đề về giới; (ii) ít nhất 7 mô hình trình diễn CSAWMP được triển khai và phổ biến thành công tại 10 tỉnh tham gia vào tháng 6 năm 2019; và (iii) ít nhất 7.000 nông dân, 700 cán bộ khuyến nông và 200 nhà nghiên cứu được đào tạo về CSAWMP vào tháng 6 năm 2019. Ít nhất 50% nông dân và 30% nhân viên khuyến nông được đào tạo là phụ nữ.

18. **Các nghiên cứu công nghệ sản xuất nông nghiệp các bon thấp (CSAWMP).** Hợp đồng đã được trao và tư vấn được huy động cho tất cả các gói của hợp đồng này. Tình trạng mua sắm/ thực hiện của từng gói nghiên cứu CSAWMP được nêu trong Phụ lục 9.

19. Kết quả của các gói nghiên cứu dự kiến sẽ được áp dụng để cải thiện quản lý chất thải rắn trong nông nghiệp vì chúng giải quyết các hạn chế hiện tại của công nghệ xử lý chất thải chăn nuôi và nuôi tôm và tạo cơ hội mới cho khu vực tư nhân để thu lợi nhuận nếu đầu tư vào nông nghiệp cùng những công nghệ xử lý môi trường mới. Về nguyên tắc, hầu hết các gói nghiên cứu yêu cầu thời gian thực hiện là 24 tháng (18 tháng cho nghiên cứu và 6 tháng thí điểm). Tuy nhiên, 2/7 gói bắt đầu từ tháng 1 năm 2018, phần còn lại mới bắt đầu vào tháng 6 năm 2018 hoặc tháng 12 năm 2018. Do đó, cần có thời gian gia hạn đầy đủ để hoàn thành các hoạt động nghiên cứu và cho phép áp dụng kết quả của các gói nghiên cứu sau khi hoàn thành.

20. **Mô hình trình diễn CSAWMP.** Đoàn đánh giá nhận thấy rằng các hoạt động trình diễn đang cung cấp các giải pháp CSAWMP hữu ích. Tình trạng triển khai của từng gói trình diễn CSAWMP được nêu trong Phụ lục 10. Các mô hình trình diễn được xây dựng có tác động tích cực đến môi trường vật lý-sinh học cũng như những điều kiện kinh tế xã hội của các hộ gia đình. Các mô hình trình diễn được triển khai giúp giảm chất thải nông nghiệp một cách hiệu quả và xử lý lượng nước thải được chấp nhận cho tưới tiêu hoặc xả vào hệ thống thoát nước của cộng đồng. Thông tin về các mô hình trình diễn được tham quan thực tế nêu trong Phụ lục 7.

21. Các tỉnh dự án đã đề xuất một số mô hình từ các mô hình trình diễn và gói nghiên cứu đang diễn ra (ví dụ: mô hình cung cấp hệ thống tách phân để xử lý chất thải chăn nuôi để sản xuất nguyên liệu cho phân bón hữu cơ, mô hình cung cấp hệ thống sử dụng nước thải sau biogas làm phân bón của cây trồng) sẽ được nhân rộng. Tuy nhiên, một số tỉnh dự án cũng đưa ra quan ngại về hiệu quả của hệ thống tách phân nhằm xử lý chất thải chăn nuôi và sản xuất nguyên liệu cho phân bón hữu cơ. Đoàn đánh giá nhấn mạnh rằng mục đích của các mô hình trình diễn là điểm trình diễn với giải pháp hoàn chỉnh giúp quản lý chất thải nông nghiệp do trang trại tạo ra. Sau khi hoàn thành các mô hình và nghiên cứu, chỉ các mô hình được đánh giá hiệu quả bởi cơ quan có thẩm quyền sẽ

được nhân rộng và mỗi tỉnh sẽ áp dụng không quá một mô hình cho mỗi loại mô hình được đánh giá hiệu quả.

22. Đoàn đánh giá ghi nhận rằng Tư vấn thực hiện dự án (LIC) không thể cung cấp bất kỳ hỗ trợ nào cho việc thực hiện dự án kể từ tháng 1 năm 2019 do sự chậm trễ của EA trong việc gia hạn hợp đồng của LIC. Đoàn đánh giá yêu cầu CPMU gia hạn hợp đồng LIC trước ngày 31 tháng 3 năm 2019 để hoàn thành việc thực hiện các hoạt động của dự án cho đến khi báo cáo hoàn thành dự án được Chính phủ và ADB chấp nhận.

23. **Hệ thống thông tin CSAWMP.** Tư vấn đã hoàn thiện thiết kế và đề xuất thông số kỹ thuật của hệ thống thư viện điện tử. Hợp đồng mua sắm gói thầu thiết bị (gói 22) cho hệ thống thư viện điện tử đã được ký vào ngày 23 tháng 1 năm 2019 và dự kiến sẽ hoàn thành vào ngày 23 tháng 5 năm 2019 để cài đặt phần mềm được thiết kế và bàn giao cho các bên liên quan.

24. **Tăng cường năng lực về CSAWMP.** Dự án đã hỗ trợ 5 chương trình đào tạo nghề cho nông dân (các giáo trình chuẩn bị đào tạo nghề cho nông dân do Cục Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn của Bộ NN & PTNT) với các chủ đề sau: (i) sản xuất phân bón hữu cơ sinh học từ phân gia súc và chất thải mía; (ii) kỹ thuật sửa chữa và bảo dưỡng thiết bị khí sinh học; (iii) nuôi giun đất ở quy mô nhỏ từ phân gia súc và phân gà; (iv) sản xuất phân hữu cơ sinh học từ phụ phẩm trồng trọt; và (v) sản xuất phân hữu cơ từ phân lợn. Dự án cũng đã hỗ trợ Cục Kinh tế Hợp tác và Phát triển nông thôn Bộ NN & PTNT xây dựng thêm 3 chương trình đào tạo nghề về: (i) sản xuất đệm lót sinh học trong chăn nuôi; (ii) chế biến thức ăn chăn nuôi từ phụ phẩm trồng trọt; và (iii) sản xuất than sinh học từ phụ phẩm trồng trọt. Tổng cộng, Dự án đã đào tạo 21.983 nông dân (trong đó 10.680 tương đương 48,6% là phụ nữ) và 1.434 cán bộ khuyến nông (trong đó có 413 tương đương 28,8% là phụ nữ). Chi tiết về đào tạo CSAWMP được thực hiện bởi CPMU và các tỉnh được nêu trong Phụ lục 11.

Hợp phần 4: Quản lý dự án hiệu quả

25. **Các mục tiêu đã sửa đổi sau Đánh giá giữa kỳ (ĐGGK).** Các chỉ số chất lượng thực hiện chính cho hợp phần này là: (i) Một CPMU và 10 PPMU đã được thành lập và đi vào hoạt động với đầy đủ nhân sự và cơ sở vật chất vào quý 1 năm 2013. Ít nhất 30% cán bộ là nữ và cán bộ đầu mối về giới sẽ được chỉ định vào 2014; và (ii) PPMS với số liệu phân tách về giới và dân tộc thiểu số (DTTS) được thu thập và vận hành hiệu quả ở 10 tỉnh vào năm 2015.

26. **Tiến độ.** CPMU và 10 PPMU được thành lập vào quý 2 năm 2013 và có đầy đủ nhân sự. Tính đến tháng 2 năm 2019, 56 trong số 129 nhân viên (tương đương 43%) CPMU và PPMU là phụ nữ. Cán bộ phụ trách giới được chỉ định từ tháng 7/2016. Hệ thống giám sát đánh giá có số liệu phân tách theo giới tính và dân tộc thiểu số phụ vụ thu thập số liệu và báo cáo đang hoạt động hiệu quả ở 10 tỉnh.

D. Mua sắm đấu thầu

27. **Tiến độ.** Tổng cộng, Dự án có 19 gói thầu dịch vụ tư vấn (bao gồm gói nghiên cứu) và 25 gói mua sắm hàng hóa, trong đó có 19 gói dịch vụ tư vấn và 19 gói mua sắm hàng hóa đã được trao. Đoàn đánh giá thấy rằng sự chậm trễ trong quá trình thực hiện tất cả 07 gói thầu nghiên cứu là do thiếu kế hoạch cấp vốn của chính phủ cho dự án trong năm 2017 (chỉ cấp 7,7 tỷ VNĐ so với nhu cầu đề xuất là 90 tỷ VNĐ), vì vậy cần gia hạn dự án thêm 01 năm để hoàn thành các gói thầu nghiên cứu.

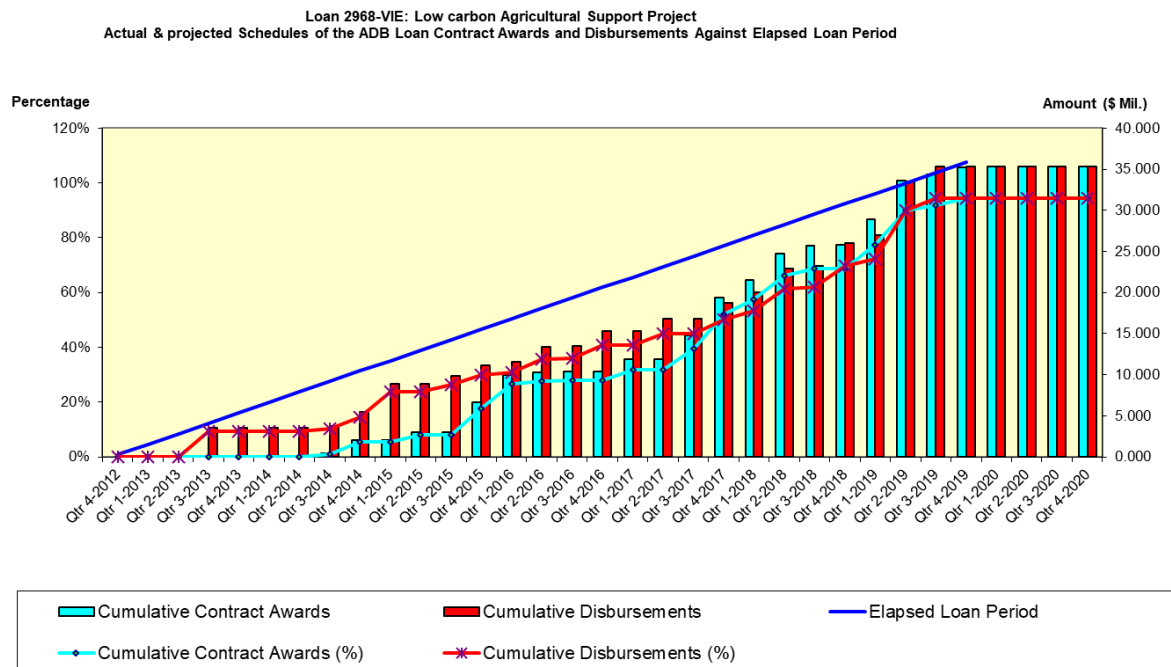
E. Giám sát, đánh giá và báo cáo dự án

28. báo cáo do một số PPMU lập cho Đoàn đánh giá không được sử dụng cùng một mẫu báo cáo và thiếu nhiều thông tin, dữ liệu. Hơn nữa, sự không nhất quán của dữ liệu trong các báo cáo do CPMU và PPMU chuẩn bị phản ánh sự hoạt động chưa hiệu quả của hệ thống lưu trữ dữ liệu trong hệ thống thông tin.

F. Các chi phí của dự án và tài chính

29. **vay ADB.** CPMU và PPMU đã cập nhật lịch trình dự kiến cho việc trao thầu và giải ngân khoản vay ADB. Chi tiết được làm rõ trong phụ lục 12 và 13. Các kết quả chính bao gồm:

- (i) Theo ước tính chi phí cập nhật của CPMU và PPMU, nhu cầu vốn ADB là 37,544 triệu đô la (bao gồm 2,191 triệu đô la cho phí lãi suất trong quá trình thực hiện). Chi phí hoạt động vượt hạn mức là 0,166 triệu đô la;
- (ii) Cho năm 2019, CPMU, FI và PPMU dự định trao 7,613 triệu đô la và giải ngân 11,727 triệu đô la, so với kế hoạch năm là 9,421 triệu đô la và 11,323 triệu đô la cho việc trao thầu và giải ngân tương ứng; và
- (iii) Kế hoạch thực tế và dự kiến của việc trao thầu và giải ngân vốn vay ADB được trình bày trong biểu đồ dưới đây:



30. **Vốn đối ứng.** Cho năm 2019, yêu cầu của vốn đối ứng là 19,702 tỷ VNĐ. Tính đến 28/2/2019, 2,258 tỷ VNĐ đã được giải ngân (tương đương với 11% theo kế hoạch). Hiện tại UBND tỉnh Nam Định vẫn chưa phân bổ đủ vốn đối ứng cho năm 2019 với tổng số thiếu hụt là 200 triệu VNĐ. Chi tiết được cung cấp trong Phụ lục 14.

31. **Phân bổ lại nguồn vốn dự án.** Do tiến độ thực hiện của Dự án và các lợi ích dự kiến được tạo ra từ chuyển giao công nghệ CSAWMP sẽ được thực hiện tại Hợp phần 3 của Dự án, khoản tiết kiệm vốn ADB (nếu có) được đề xuất phân bổ lại để tăng ngân sách cho chuyển giao công nghệ CSAWMP theo đề xuất của các tỉnh dự án. Việc tái

phân bổ nguồn vốn dự án tổng thể cần được xử lý càng sớm càng tốt để tạo thuận lợi cho việc thực hiện dự án.

G. Tuân thủ với Hiệp định khoản vay

32. Đoàn nhận thấy rằng 46 trong số 47 thỏa thuận vay được tuân thủ. Chỉ có một thỏa thuận vay về việc thực hiện kế hoạch hành động giới (GAP) đang được tuân thủ một phần do tỷ lệ phụ nữ tham gia vào các hoạt động đào tạo, phổ biến và tham vấn cho các nhóm chỉ dành cho phụ nữ vẫn thấp hơn so với mục tiêu. Chi tiết về tình trạng tuân thủ tất cả các thỏa thuận vay được nêu trong Phụ lục 15

H. Thực hiện quản lý môi trường

33. **Mục tiêu ban đầu** Mục tiêu dự án là làm giảm ô nhiễm từ chất thải nông nghiệp thông qua CSAWMP. Dự án nhằm mục tiêu hỗ trợ xử lý chất thải nông nghiệp và chất thải nông thôn thành năng lượng sạch và phân hữu cơ từ chất thải sau biogas, và phổ biến, tăng cường kiến thức về áp dụng CSAWMP. Dự án đặt mục tiêu giám sát môi trường cho ít nhất là 5% số công trình KSH quy mô nhỏ.

34. **Tiến độ.** Nhìn chung dự án đã có tác động tích cực đối với môi trường thông qua việc cải thiện quản lý chất thải chăn nuôi ở quy mô nông hộ và cộng đồng. Tính đến thời điểm đoàn đánh giá, 57.738 hầm KSH quy mô nhỏ trên mục tiêu 65.000, 60 hầm KSH quy mô vừa và 2 hầm KSH quy mô lớn đã được xây dựng để giảm thiểu tác động chất thải chăn nuôi và sản xuất KSH để sử dụng trong nước. PPMU mười tỉnh dự án đã giám sát 5-10% số hầm KSH quy mô nhỏ và quy mô vừa. Báo cáo đánh giá môi trường và báo cáo giám sát môi trường nửa năm 2018 (SEMR) đã được nộp vào tháng 02/2019 và đang được xem xét để đăng tải trên trang web của ADB. Dự án đã thực hiện các hoạt động nghiên cứu và thí điểm CSAWMP để giải quyết một số vấn đề môi trường nổi cộm được xác định trong lần đánh giá trước đó, cụ thể là các công trình KSH bị quá tải, sử dụng phụ phẩm KSH chưa qua quá trình ủ phân và ủ phân compost và cải thiện công suất máy phát điện KSH.

35. **Vấn đề.** Trong các chuyến thực địa đến các trang trại lợn, gia súc và tôm ở các tỉnh Bắc Giang và Sóc Trăng, Đoàn đánh giá nhận thấy các hoạt động nghiên cứu và thí điểm CSAWMP chậm tiến độ đã ảnh hưởng đến kết quả dự kiến đến tháng 06/2019 nhằm nhân rộng và giảm thiểu tác động môi trường, cụ thể là: (i) nghiên cứu chăn nuôi lợn tiết kiệm nước ở Bắc Giang được thực hiện vào mùa đông có thể có những sai lệch trong kết quả khi thử nghiệm trong mùa nóng. Bên cạnh đó, điều kiện vệ sinh của chuồng lợn cũng có thể ảnh hưởng đến việc chăn nuôi lợn, đặc biệt trong bối cảnh dịch bệnh bùng phát; (ii) nghiên cứu xử lý bùn thải nuôi tôm ở tỉnh Sóc Trăng chỉ mới áp dụng với tôm giống và xây dựng mô tả, thời gian cho công tác kiểm tra kết quả xử lý bùn thải và nước thải toàn diện có thể lên đến vài tháng; và (iii) tỉnh Nam Định vừa khởi động các hoạt động thí điểm cải tiến máy phát điện KSH quy mô nhỏ và vừa, đánh giá sự ổn định và hiệu suất của máy phát điện chưa được thực hiện do hạn chế về mặt thời gian. Ngoài ra, Đoàn đánh giá không thể lấy mẫu môi trường do thiết bị quan trắc không được sử dụng. Các PPMU đã nhận được thiết bị quan trắc môi trường và bàn giao cho các bộ phận chăn nuôi của Sở NN&PTNT. Tuy nhiên, do thiếu hướng dẫn và chuyên môn kỹ thuật, chỉ có PPMU Nam Định tiến hành chương trình giám sát thử nghiệm và kết quả không được đưa vào báo cáo SEMR nửa cuối năm 2018.

36. **Hành động cần thiết.** Đoàn đề xuất 3 hành động tiếp theo ở đoạn 47 nhằm đảm bảo tuân thủ an toàn môi trường và đạt được mục tiêu giảm thiểu ô nhiễm chất thải nông nghiệp thông qua các công nghệ sản xuất nông nghiệp các bon thấp.

I. Thực hiện các biện pháp an toàn xã hội

37. **Mục tiêu ban đầu.** Mục tiêu xây dựng hầm KSH quy mô nhỏ cho người DTTS với ít nhất 5% hầm quy mô nhỏ được xây trong DMF.

38. **Tiến độ.** Dựa trên báo cáo giám sát an toàn xã hội do CPMU trình, Đoàn đánh giá nhận thấy rằng kể từ đoàn đánh giá trước vào tháng 9/2018, CPMU và PPMU các tỉnh dự án đã nỗ lực thực hiện các hoạt động cho người DTTS trong các hoạt động của dự án. Kế hoạch dân tộc thiểu số cập nhật (EMDP) đã được xây dựng và được ADB và cơ quan chính phủ chấp thuận vào Quý 4/2018. CPMU/PPMU các tỉnh hiểu rõ EMDP và đã cung cấp thông tin, đào tạo, tham vấn, hỗ trợ kỹ thuật, v.v. cho những nhóm mục tiêu. Tuy nhiên, một số tiêu chí của EMDP cập nhật (ví dụ: ít nhất 30% người DTTS tham gia tăng cường CSAWMP là phụ nữ) chưa được đáp ứng do một số khó khăn trong điều kiện địa lý và phong tục tập quán. Kết quả của việc thực hiện EMDP chưa được cập nhật với Đoàn đánh giá do thiếu các tư vấn LIC. Tình hình thực hiện cập nhật về EMDP được tổng kết trong Phụ lục 16. Đoàn đánh giá yêu cầu CPMU và PPMU các tỉnh thực hiện các hành động tiếp theo được đề cập trong đoạn 47.

J. Thực hiện kế hoạch hành động về giới (GAP)

39. **Mục tiêu điều chỉnh sau MTR:** Các mục tiêu chính của kế hoạch hành động về giới (trong thỏa thuận) bao gồm (i) ít nhất 20% số người được đào tạo về quản lý khí sinh học và các vấn đề kỹ thuật là phụ nữ; (ii) ít nhất 7% số người được đào tạo và cấp chứng chỉ thợ xây cho công trình hầm KSH quy mô nhỏ là phụ nữ; (iii) ít nhất 50% những người được đào tạo sử dụng công nghệ KSH và vận hành bảo trì là phụ nữ; (iv) ít nhất 50% những người được đào tạo về quản lý nông trại và quản lý chất thải tại nông trại là phụ nữ; (v) ít nhất 15% nhân viên được đào tạo về công trình khí sinh học quy mô vừa và lớn là phụ nữ; (vi) ít nhất 50% số người nhận khoản vay từ các định chế tài chính sẽ được đăng ký dưới tên chung của cả vợ và chồng hoặc thay mặt phụ nữ; (vii) ít nhất 50% số người đăng ký các thiết bị KSH trong dự án dưới tên chung cả vợ và chồng hoặc thay mặt cho phụ nữ; (viii) 30% các chủ đề nghiên cứu liên quan đến giới kèm theo công trình KSH; (ix) ít nhất 30% số người được chọn nghiên cứu và phổ biến công nghệ CSAWMP là phụ nữ; (x) tài liệu đào tạo về công nghệ CSAWMP và phương pháp đào tạo phải thân thiện với phụ nữ và ít nhất 30% sự kiện và tham vấn phải có sự tham gia của phụ nữ; (xi) số liệu tách rời về giới và DTTS được thiết lập như một nội dung đánh giá chất lượng thực hiện của Dự án và thiết lập hệ thống giám sát bởi CPMU; (xii) 30% cán bộ của CPMU và PPMU là phụ nữ và CPMU và từng PPMU phải có cán bộ về giới; và (xiii) các chỉ số về giới được bao gồm trong khung giám sát đánh giá tổng thể của Dự án.

40. **Tiến độ thực hiện tổng thể:** Việc triển khai GAP đang đi đúng tiến độ. Toàn bộ 6 hoạt động (100%) đã được hoàn thành hoặc đang được thực hiện đúng tiến độ. Trong 12 mục tiêu, có 7 mục tiêu (58,3%) đã hoàn thành hoặc đang được thực hiện đúng tiến độ, và 5 mục tiêu (41,7%) đã hoàn thành 1 phần hoặc chưa đạt được mục tiêu. Bảng GAP đã được cập nhật và trình bày trong Phụ lục 17.

41. **Hợp phần 1:** (i) 297 học viên là nữ trên tổng số 1,290 học viên được đào tạo về quản lý KSH và các vấn đề kỹ thuật cho kỹ thuật viên (chiếm 23.4%, cao hơn mục tiêu là

20%); (ii) 56,979 học viên là nữ trên tổng số 110,346 học viên được đào tạo về sử dụng công nghệ KSH và vận hành bảo trì (chiếm 51.6%, cao hơn mục tiêu đề ra là 50%).

42. **Hợp phần 2:** Tất cả 411 hộ gia đình nhận được tín dụng cho vay dưới tài khoản chung của vợ và chồng.

43. **Hợp phần 3:** (i) 127 học viên là nữ trên tổng số 366 học viên được đào tạo về O&M của các thiết bị nghiên cứu (chiếm 34.7%, cao hơn mục tiêu là 30%); (iii) 2 trên 6 nghiên cứu (gói thầu 26 và 27) có liên quan đến vấn đề giới, đạt được 2 mục tiêu với chủ đề nghiên cứu về giới.

44. **Hợp phần 4:** (i) CPMU và PPMU đã chỉ định các cán bộ đầu mối về giới để chịu trách nhiệm thực hiện và báo cáo GAP; (ii) 56 trong tổng số 129 cán bộ CPMU và PPMU là nữ (chiếm 43,4%, cao hơn so với mục tiêu 30%); và (iii) hội thảo về giới được thực hiện cho các cán bộ đầu mối về giới của PPMU, cán bộ kỹ thuật và các bên liên quan với 445 người tham gia, trong đó 230 nữ (51,7%).

45. **Vấn đề:** Các vấn đề sau đã được phát hiện bởi Đoàn đánh giá: (i) tỉ lệ tham gia của nữ giới vào các khóa đào tạo về xây dựng hầm KSH quy mô nhỏ và hầm KSH quy mô vừa và lớn cho nhà thầu, kỹ sư và nhà thầu thấp hơn mục tiêu của dự án (5,3% và 8,7% so với mục tiêu là 7% và 15% lần lượt đối với hầm KSH nhỏ và hầm KSH vừa và lớn) do số lượng các kỹ sư, kỹ thuật viên và nhà thầu là nữ rất nhỏ, vì vậy khó đạt được mục tiêu đào tạo của dự án cho phụ nữ; (ii) chỉ có 10.680 phụ nữ trong số 21.983 nông dân tham gia vào CSAWMP (48,6% thấp hơn mục tiêu là 50%); (iii) chỉ có 413 phụ nữ trong số 1,434 cán bộ khuyến nông tham gia vào công nghệ CSAWMP (28,8% thấp hơn mục tiêu là 30%); (iv) chỉ có 11,4% các sự kiện phổ biến thông tin và tham vấn có sự tham gia của các nhóm toàn nữ (97 trong số 855 sự kiện) trong khi mục tiêu là 30%; và (v) báo cáo tiến độ của các gói 26 và 27 không đề cập đến các vấn đề liên quan đến giới trong các gói này.

K. Thực hiện kế hoạch hành động về quản lý tài chính

46. Kế hoạch hành động về đánh giá quản lý tài chính không đề cập rõ ràng về đánh giá quản lý tài chính trong hướng dẫn quản lý dự án. Tuy nhiên, một vài biện pháp giảm thiểu rủi ro đã được xác định và cập nhật bởi CPMU tại Phụ lục 18.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG TIẾP THEO

47. Các hoạt động tiếp theo đã được thống nhất như sau:

- Bộ NN&PTNT đệ trình để đạt được sự chấp thuận của Chính phủ cho việc gia hạn dự án thêm 1 năm sớm nhất có thể, và ADB sẽ xử lý việc gia hạn khoản vay sau khi nhận được yêu cầu chính thức của Chính phủ;
- BQLDA Trung ương đệ trình phân bổ lại toàn bộ kế hoạch vốn dự án cho Bộ NN & PTNT phê duyệt trước ngày 31 tháng 3 năm 2019, xem xét đến chi phí cho khoản vay của ADB vượt quá 0,166 triệu đô-la Mỹ;
- BQLDA tỉnh xác định và tổ chức đào tạo lại (bao gồm quản lý các vấn đề kỹ thuật như quá tải bể KSH hoặc thừa khí ga) cho người dân vận hành công trình KSH. Các thợ xây/kỹ thuật viên cũng có thể tham gia các khóa đào tạo lại để tư vấn cho nông dân về cách xây dựng công trình KSH và cách vận hành và bảo dưỡng thích hợp. Chương trình đào tạo lại (nếu cần) nên được thực hiện càng sớm càng tốt nhưng không muộn hơn ngày 30 tháng 6 năm 2019;

- Các mô hình /nghiên cứu được đánh giá là “đạt yêu cầu” bởi cơ quan có thẩm quyền, có thể được nhân rộng không quá mỗi loại một mô hình tại mỗi tỉnh dự án, tùy thuộc vào khung thời gian thực hiện của dự án. Bất kỳ hoạt động nào kéo dài sau ngày kết thúc khoản vay phải được tài trợ bằng nguồn vốn đối ứng và được xác nhận bằng thư chính thức của Bộ NN & PTNT gửi cho ADB trước khi ký hợp đồng;
- BQLDA Trung ương gia hạn hợp đồng tư vấn LIC trước ngày 31 tháng 3 năm 2019 để hỗ trợ triển khai các hoạt động của dự án;
- BQLDA Trung ương/tỉnh hướng dẫn lại các yêu cầu về báo cáo (ví dụ như: biểu mẫu báo cáo, hệ thống quản lý dữ liệu tập trung vào tính nhất quán của dữ liệu/thông tin) để báo cáo tiến độ/đánh giá dự án cho ADB vào tháng 7 năm 2019;
- Các định chế tài chính gửi đơn xin rút vốn để thanh toán số tiền đã sử dụng của nguồn ADB được tạm ứng và hoàn trả số tiền chưa sử dụng cho ADB trước 30/6/2019;
- Về việc thực hiện quản lý môi trường: (i) BQLDA Trung ương và tư vấn nghiên cứu tiếp tục và đẩy nhanh tiến độ các hoạt động nghiên cứu và thí điểm về CSAWMP. Cần đặc biệt chú ý đến việc cải tiến công nghệ khí sinh học và sử dụng khí sinh học hiệu quả - tăng cường thử nghiệm và sử dụng đúng bộ lọc khí và máy phát điện để nhân rộng (gói 26). Xem xét cải thiện vệ sinh môi trường cho chăn nuôi lợn tiết kiệm nước (gói 27), xem xét các yếu tố như sự bùng phát dịch lợn và biến đổi khí hậu; (ii) BQLDA Trung ương tổ chức hội thảo đào tạo tập trung vào tăng cường giám sát môi trường hiệu quả bằng thiết bị giám sát môi trường trong quý 2 năm 2019. Khóa đào tạo nhằm hướng dẫn nhân viên môi trường của đơn vị Chăn nuôi thuộc Sở NN&PTNT và BQLDA tỉnh trong việc xử lý lấy mẫu và phân tích môi trường; và (iii) BQLDA tỉnh thực hiện giám sát hiệu quả tác động môi trường và tích hợp các kết quả vào Báo cáo giám sát về môi trường (SEMR) tiếp theo cho giai đoạn tháng 1-6/2019, dự kiến hoàn thành trước ngày 31 tháng 7 năm 2019
- Về việc thực hiện các biện pháp an toàn xã hội: (i) BQLDA tỉnh tăng cường khuyến khích người tham gia thúc đẩy CSAWMP giữa các khu vực DTTS bằng cách phối hợp với các cơ quan/hiệp hội liên quan (ví dụ như: cán bộ khuyến nông, bác sĩ thú y và các hội phụ nữ) để phổ biến thông tin và tổ chức các sự kiện liên quan đến công trình KSH vào cuối dự án; (ii) BQLDA tỉnh thường xuyên tổ chức các chuyến tham quan công trình KSH và mô hình CSAWMP thành công của dự án LCASP cho những đối tượng DTTS tiềm năng, thu hút sự tham gia của phụ nữ DTTS vào những hoạt động/sự kiện quảng bá CSAWMP (ví dụ như: tập huấn, các chuyến đi thực địa, gặp mặt không chính thức, v.v) và nhân rộng trong các khu vực DTTS khác; (iii) BQLDA Trung ương tăng cường giám sát để đảm bảo rằng tất cả các mục tiêu trong EMDP đạt được khi kết thúc dự án; và (iv) BQLDA Trung ương trình báo cáo hoàn thành về EMDP trước ngày kết thúc dự án;
- Về việc triển khai GAP: (i) BQLDA tỉnh phối hợp với Hội Phụ nữ (WU) và Hội Nông dân để thực hiện các khóa đào tạo về CSAWMP cho nông dân và cán bộ khuyến nông để đảm bảo vào cuối dự án sẽ đạt được những mục tiêu này; (ii) BQLDA tỉnh tăng cường tổ chức các hoạt động phổ biến thông tin với các nhóm phụ nữ thông qua các cuộc họp với Hội Phụ nữ để thông báo về các hoạt động của dự án và CSAWMP; (iii) BQLDA Trung ương yêu cầu các nhà thầu của Gói 26 và 27 báo cáo kết quả nghiên cứu liên quan đến các vấn đề về giới trong báo cáo tiến độ tiếp theo; (iv) BQLDA Trung ương chuẩn bị báo cáo về GAP PCR dựa trên mẫu của ADB (*trong trường hợp dự án không được gia hạn*);

- BQLDA Trung ương/tỉnh hoàn thành các hoạt động tiếp theo được thỏa thuận trong Đoàn đánh giá lần trước chưa được thực hiện, được thực hiện một phần và đang thực hiện. Chi tiết được nêu trong Phụ lục 4; và
- Đoàn đánh giá tiếp theo của ADB sẽ được thực hiện vào tháng 9 năm 2019

IV. LỜI CẢM ƠN

48. Đoàn đánh giá bày tỏ lòng biết ơn đối với Bộ NN & PTNT và tất cả các cán bộ cũng như đại diện của các tổ chức đã cung cấp thời gian và sự hợp tác của họ cho Đoàn.

Ký tại Hà Nội, tháng 3 năm 2019 bởi:

Vũ Ngọc Châu
Trưởng Đoàn đánh giá, VRM
Ngân hàng Phát triển Châu Á

Danh sách đại biểu tham dự

Họ tên	Chức vụ	Địa chỉ email	Điện thoại
Bộ NN&PTNT			
Trần Kim Long	Vụ trưởng Vụ Hợp tác Quốc tế		
Bùi Văn Nhạc	Chuyên viên, Cục Quản lý công trình		
Ngô Nguyên Nhan	Cục trồng trọt		
Tổng Xuân Chinh	Phó Cục trưởng, Cục chăn nuôi		
Đình Vũ Thanh	Phó vụ trưởng, Vụ KHCN và MT		
Nguyễn Xuân Khôi	Vụ KHCN và MT		
Nguyễn Đức Thái	Vụ Tổ chức cán bộ		
Ban Quản lý các dự án Nông nghiệp			
Phạm Việt Anh	Phó trưởng phòng, Phòng kế hoạch kỹ thuật	phamvietanh.bnn@gmail.com	0913447751
Đặng Hữu Kiên	Cán bộ, Phòng QLTV&XDDA		
Ban Quản lý Trung ương			
Nguyễn Thế Hinh	Giám đốc dự án	nguyenthe.hinh@gmail.com	0913247782
Vũ Tiến Dũng	Phó Giám đốc dự án	vutiendung1972@gmail.com	0913543045
Hoàng Thái Ninh	Phó Giám đốc dự án	hoangthaininh@gmail.com	0989198200
Nguyễn Văn Chung	Cán bộ	chungnguyenvanhd@yahoo.com	01682578578
Dương Thị Diễm Hằng	Kế toán trưởng	duongdiemhang@gmail.com	0902149939
Nguyễn Thị Minh Hường	Cán bộ kế hoạch	huongng4@gmail.com	01699292871
Nguyễn Thái Sơn	Cán bộ kỹ thuật	thaison@apmb.gov.vn	0902.468.122
Nguyễn Thị Ngọc Lan	Cán bộ quản trị		
Lương Huy Hoàng	Cán bộ		
Nguyễn Thị Thành	Cán bộ quản trị		
Trịnh Thị Thúy Hồi	Cán bộ kỹ thuật		
Phạm Thị Thùy Linh	Cán bộ kỹ thuật		

Tư vấn			
Lê Thị Thoa	Tư vấn trưởng/Liên danh Công ty cổ phần tư vấn phát triển Châu Á		
Gói thầu nghiên cứu			
Nguyễn Khắc Anh	Tư vấn trưởng/Công ty TNHH Tư vấn và Đầu tư Phát triển Công nghệ Khoa học	nguyenkhacanhtud@gmail.com	0966.719.216
Phạm Văn Toán	Cán bộ/ Công ty TNHH Tư vấn và Đầu tư Phát triển Công nghệ Khoa học	vantoanpham@gmail.com	0961.896.698
Bế Thị Hoàng Yến	Trưởng phòng Phát triển dự án, Viện Phát triển và Quản lý châu Á	yenbth@admn.vn	0914.353.605
Bùi Hữu Đoàn	Tư vấn trưởng/ Viện Quản lý và Phát triển Châu Á	bhdoan@vnua.vn	0975.229.668
Trần Thị Mai Hương	Cán bộ hỗ trợ/ Viện Quản lý và Phát triển Châu Á	huongttm@amdi.vn	0982.054.386
Nguyễn Tiến Trung	Giám đốc, Kankyo	prtrungtn@gmail.com	038.5088888
Lê Hùng Tuấn	Giám đốc, Liên danh công ty Bắc Bộ	ctytuvanbacbo@gmail.com	0913.526.315
Nguyễn Thành Trung	Tư vấn trưởng, Liên danh công ty Bắc Bộ	Trung0475@yahoo.com	096.2011.497
Nguyễn Võ Linh	Phó viện trưởng, Viện quản lý nông nghiệp và phát triển nông thôn	volinh@gmail.com	0912.082.000
Lê Như Kiều	Tư vấn trưởng, Viện quản lý nông nghiệp và phát triển nông thôn	lenhukieu2018@gmail.com	0903.203.767
Trần Thị Đình	Cán bộ hỗ trợ, Viện quản lý nông nghiệp và phát triển nông thôn	Tranthidinh5@gmail.com	0987.496.636
Nguyễn Viết Đôn	Chuyên gia, Viện quản lý nông nghiệp và phát triển nông thôn	nvietdon@gmail.com	0936.672.239

Vi Thế Đàng	Giám đốc, Trung tâm tư vấn chuyển giao công nghệ và dịch vụ nuôi trồng thủy sản	vithedang@gmail.com	0912.541.081
Nguyễn Tử Cương	Tư vấn trường, Trung tâm tư vấn chuyển giao công nghệ và dịch vụ nuôi trồng thủy sản	fitesvietnam@gmail.com	0903.421.228
Vương Thị Mai	Kế toán, Trung tâm tư vấn chuyển giao công nghệ và dịch vụ nuôi trồng thủy sản	maikt2013@gmail.com	08229.82399
Trần Thị Minh Loan	Liên danh Công ty cổ phần tư vấn phát triển Châu Á		
Nguyễn Hoàng Long	Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam		
Phạm Đức Thọ	Tư vấn gói 26		
Nguyễn Văn Chính	Giám đốc, Viện Quản lý và Phát triển Châu Á		
Định chế tài chính			
Nguyễn Việt Hùng	Cán bộ phòng quản lý dự án, Ngân hàng NN&PTNT	viethung_nguyenvba@yahoo.com	0913934065
Nguyễn Ngọc Hồng	Phó trưởng phòng quản lý dự án, Ngân hàng NN&PTNT	Hongnn_qlkd@agribank.com.vn	0912.356.026
Lê Thị Thu Hà	Phó trưởng phòng, Quan hệ quốc tế và Quản lý dự án – Ngân hàng Hợp tác	haltt@co-opbank.vn	0904.983.367
Đỗ Nguyễn Thanh Nhung	Cán bộ, Quan hệ quốc tế và Quản lý dự án – Ngân hàng Hợp tác	nhungdnt@co-opbank.vn	0983.828.128
Tỉnh Tiền Giang			
Trần Thanh Phong	Giám đốc dự án, PPMU	tphongtg@gmail.com	0918287639
Nguyễn Thanh Hòa	Kế toán, PPMU	hoathn@gmail.com	0972.933.312
Phạm Nhựt An	Cán bộ kỹ thuật, PPMU	Anpham065@gmail.com	0349.955.943
Tỉnh Bến Tre			
Nguyễn Thế Nghĩa	Giám đốc dự án, PPMU	icaspt@gmail.com	01699073793
Nguyễn Khánh Bình	Cán bộ kỹ thuật, PPMU	ncbinh.knkn@yahoo.com.vn	0919240240
Phan Thị Thu Sương	Điều phối viên, PPMU	icaspt@gmail.com	0918.330.169

Trần Thị Kim Ngân	Kế toán, PPMU	lcaspbt@gmail.com	037.657.8442
Tỉnh Sóc Trăng			
Quach Van Tay	Giám đốc dự án, PPMU	taycctyst@gmail.com	0913708736
Cao Tấn Đạt	Cán bộ, PPMU	caotandat1987@gmail.com	0914614887
Le Van Quang	Điều phối viên kiêm cán bộ kỹ thuật, PPMU	levanguang68@gmail.com	0918573883
Ngô Hiền Triết	cán bộ kỹ thuật, PPMU	hientrietst@gmail.com	0939.818.344
Huỳnh Đức Thắng	cán bộ kỹ thuật, PPMU	huynhducthangst@gmail.com	0918.234.347
Nguyễn Ngọc Lam Tuyền	cán bộ kỹ thuật, PPMU	Lamtuyen8989@gmail.com	089.611.5119
Trần Thùy Trang	Kế toán, PPMU	Trangthuy6801@gmail.com	0978.599.238
Võ Phú Lâm	cán bộ kỹ thuật, PPMU	Lamminh1975@gmail.com	0913.548.959
Trương Văn Dũng	Phó Giám đốc, Sở NN&PTNT		0918.553.551
Tỉnh Bình Định			
Lê Ngọc Hùng	Điều phối viên	ngochung05@gmail.com	0907414278
Tỉnh Nam Định			
Hoang Thi To Nga	Giám đốc dự án, PPMU	ngasam67@gmail.com	0918951967
Nguyen Trong Tan	Điều phối viên, PPMU	trongtan78@gmail.com	0913472700
Vũ Đức Lưu	Kế toán, PPMU		
Nguyễn T. Minh Giảng	cán bộ kỹ thuật, PPMU		
Lương Thanh Tùng	cán bộ kỹ thuật, PPMU	Luongthanhtungty44a@gmail.com	0977751856
Nguyễn Thị Nhân	cán bộ kỹ thuật, PPMU		0986.386.496
Lê Thị Dung	cán bộ kỹ thuật, PPMU		0943.450.096
Trần Thị Huế	cán bộ kỹ thuật, PPMU		0948.027.663
Đặng Ngọc Quang	Kế toán, PPMU		0915.300.469
Tỉnh Lào Cai			
Phạm Thị Hoa	Phó Giám đốc dự án, PPMU	phamhoalc@gmail.com	0919706042
Cao Thị Hòa Bình	Cán bộ dự án, PPMU	choabinh@gmail.com	0984667817

Nguyễn Thị Khánh Hòa	Cán bộ dự án, PPMU	nguyenkhanhoa.vfu@gmail.com	0974581286
Son La Province			
Lo Thanh Bang	Điều phối viên, PPMU	banglothanh75@gmail.com	0988432886
Cầm Ngọc Vinh	Cán bộ dự án, PPMU	camngocvinh94@gmail.com	0972653288
Tỉnh Phú Thọ			
Tu Anh Sơn	Phó Giám đốc Sở NN&PTNT kiêm Giám đốc dự án, PPMU	tusonpt@gmail.com	0989149457
Trần Văn Quyết	Cán bộ dự án, PPMU	quyetknpt@gmail.com	0974.862.810
Tỉnh Hà Tĩnh			
Nguyễn Xuân Hoan	Giám đốc dự án, PPMU	xuanhoansnn@gmail.com	0944667999
Đình Ngọc Đức	Cán bộ kỹ thuật	Dinhngocduc50dhv@gmail.com	0911.095.586
Hà Văn Trà	Phó Giám đốc dự án, PPMU		
Tỉnh Bắc Giang			
Nguyễn Trung Kiên	Giám đốc dự án, PPMU	kienqseapbg@gmail.com	0949140737
Dương Thế Khoa	Cán bộ kỹ thuật, PPMU	thekhoabg@gmail.com	0985588750
Trần Thanh Phong	Cán bộ, PPMU	tranhthanhphong@gmail.com	0975.144.946
Lưu Thị Phương Dung	Cán bộ, PPMU	Luudung85bg@gmail.com	0976.908.797
Nguyễn Thị Oanh	Cán bộ, PPMU	Nguyenthioanh.ccts@gmail.com	0986.701.568
Nguyễn Thị Hương	Cán bộ, PPMU	Huongbg2306@gmail.com	0906.027.669
Nguyễn Thu Huyền	Cán bộ, PPMU	Milano.kito@gmail.com	0911.009.992
Đào Xuân Vinh	Phó Giám đốc dự án, PPMU	daoxuanvinhbg@gmail.com	0983.015.971

TIẾN ĐỘ HOẠT ĐỘNG TỔNG THỂ DỰ ÁN

(tính đến 28/02/2019)

STT	Hợp phần/ Hoạt động	Chi phí	Trọng số	Số giải ngân	Tỷ lệ theo tiến độ (0 - 100)	Tiến độ theo trọng số
Hợp phần 1: Quản lý toàn diện chất thải chăn nuôi						
1	Tiêu chuẩn hóa và phổ biến gói thiết kế cho chuỗi khí sinh học	56,000	6.4%	45,937	82	5.3%
2	Tăng cường năng lực cho các cơ quan có liên quan nhằm chuyển giao và giám sát các công trình khí sinh học đã xây	45,486	5.2%	39,590	87	4.5%
3	Giám sát giải ngân các khoản trợ cấp cho người thụ hưởng như là một khuyến khích tài chính để triển khai các tiểu dự án	211,501	24.3%	183,902	87	21.1%
4	Nâng cao năng lực về thiết kế, xây dựng, và giám sát các công trình KSH	23,790	2.7%	17,320	73	2.0%
5	Tăng cường năng lực và cung cấp trang thiết bị cho các đơn vị liên quan để quản lý cơ sở dữ liệu KSH quốc gia	2,237	0.3%	2,237	100	0.3%
Hợp phần 2: Tín dụng cho các chuỗi giá trị khí sinh học và các hạng mục quản lý chất thải nông nghiệp các bon thấp khác						
6	Các Định chế tài chính cấp tín dụng cho người thụ hưởng hợp lệ để đầu tư cho Chuỗi giá trị KSH và các hạng mục quản lý chất thải nông nghiệp các bon thấp khác phù hợp với Tiêu chính lựa chọn tiểu dự án	54,600	6.3%	19,900	36.45	2.3%
Hợp phần 3: Tăng cường chuyển giao công nghệ sản xuất nông nghiệp các bon thấp						
7	Sử dụng các nghiên cứu dựa vào nông dân bao gồm thanh sinh học và các chất thải nông nghiệp các như phân bón hữu cơ; áp dụng các ứng dụng nông nghiệp phát thải KNK thấp tạo ra năng lượng sinh học, quản lý xử lý chất thải thủy sản và các ứng dụng quản lý chất thải nông nghiệp các bon thấp khác (CSAWMP)	110,395	12.7%	17,543	15.89	2.0%
8	Xây dựng các mô hình quản lý chất chăn nuôi để sản xuất nông nghiệp và giảm phát thải KNK	95,892	11.0%	58,485	61	6.7%
9	Tăng cường năng lực các cán bộ nghiên cứu, cán bộ khuyến nông và nông dân, bao gồm chương trình đào tạo dạy nghề, các gói đào tạo tập huấn, và tham quan học tập về CSAWMP	21,184	2.4%	20,089	95	2.3%
10	Thiết lập một hệ thống thông tin (thư viện điện tử, bộ bản đồ các vùng sinh thái nông nghiệp và hệ thống học tập từ xa) để phổ biến kiến thức và nhận thức về CSAWMP	16,095	1.8%	13,720	85	1.6%

11	Gói thầu 46: Cung cấp hệ thống thiết bị kiểm chứng phục vụ kiểm tra chất lượng nguyên liệu sản xuất và sản phẩm phân bón hữu cơ	35,730	4.1%		-	0.0%
Hợp phần 4: Quản lý dự án hiệu quả						
12	Tham gia Ban QLDA Trung ương và các Ban QLDA tỉnh để hoạt động; Tổ chức hội thảo nâng cao nhận thức về Giới cho các Ban QLDA	116,085	13.3%	83,022	72	9.5%
13	Tuyển tư vấn khởi động, kiểm toán, xây dựng PPMU với dữ liệu phân tách theo giới và DTTS và bao gồm cả giám sát kế hoạch hành động về Giới; tiến hành điều tra cơ bản trên các tỉnh dự án trong đó thu thập và phân tích dữ liệu theo Giới và DTTS; Chuẩn bị báo cáo tiến độ và trình lên ADB định kỳ	81,840	9.4%	45,551	56	5.2%
Tổng		870,835	100%	547,296	849	62.8%

Tỷ lệ giải ngân tổng thể
(Tính đến 28/2/2019)

TT	CPMU/ tỉnh	Vốn dự án theo nhu cầu (VND mil.)			Giải ngân thực tế (VND mil.)			
		Vốn ADB	Vốn đối ứng	Tổng	Vốn ADB	Vốn đối ứng	Tổng	%
*	CPMU	297,384	32,470	329,854	130,072	21,270	151,342	46%
1	Binh Dinh	59,778	4,257	64,035	49,134	3,257	52,391	82%
2	Bac Giang	68,880	3,456	72,336	53,161	2,556	55,717	77%
3	Ben Tre	32,951	2,068	35,019	28,206	1,518	29,724	85%
4	Ha Tinh	42,672	5,850	48,522	29,941	4,650	34,591	71%
5	Lao Cai	34,391	3,141	37,532	25,602	2,606	28,208	75%
6	Nam Dinh	53,261	4,129	57,390	44,498	3,129	47,627	83%
7	Phu Tho	74,900	3,523	78,423	57,189	3,058	60,247	77%
8	Soc Trang	31,593	2,858	34,451	19,389	2,389	21,778	63%
9	Son La	27,169	3,653	30,822	20,245	2,710	22,955	74%
10	Tien Giang	26,060	1,793	27,853	21,460	1,358	22,818	82%
11	VBARD	6,800	1,200	8,000	6,460	1,140	7,600	95%
12	Co-opbank	39,610	6,990	46,600	10,455	1,845	12,300	26%
*	IDC	50,836	-	50,836	14,180	-	14,180	28%
Tổng cộng VND mil.		846,283	75,388	921,671	509,991	51,486	561,477	61%
Tổng cộng USD mil.		37.544	3.281	40.825	22.933	2.231	25.164	61%

Tiến độ thực hiện Các hoạt động tiếp theo đã thống nhất

(Đến tháng 3/2019)

No	Các hoạt động thống nhất	Tiến độ thực hiện
1	Chính phủ gửi yêu cầu chính thức cho việc hủy bỏ 30 triệu đô la đến ADB sớm nhất có thể để ADB xử lý việc hủy bỏ trong năm 2018	Đã thực hiện
2	Bộ NN&PTNT đệ trình để đạt được sự chấp thuận của Chính phủ cho việc gia hạn dự án thêm 1 năm sớm nhất có thể, và ADB sẽ xử lý việc gia hạn khoản vay sau khi nhận được yêu cầu chính thức của Chính phủ	Đang thực hiện MOF chuẩn bị tờ trình lên Chính phủ xin chủ trương gia hạn Hiệp định vay
3	Bộ NN&PTNT gửi thư chính thức cho ADB để cam kết rằng Bộ NN&PTNT sẽ tài trợ kinh phí cho phần công việc của các gói nghiên cứu 42 và 43 được triển khai sau ngày kết thúc dự án từ nguồn đối ứng	Đã thực hiện
4	CPMU lập tức cập nhật mẫu về tiến độ thực hiện dự án với các phụ lục sử dụng trong Biên bản ghi nhớ của Đoàn đánh giá lần này và gửi cho các PPMU sử dụng của. CPMU và PPMU chuẩn bị báo cáo quý và báo cáo sau Đoàn đánh giá sử dụng mẫu báo cáo được cập nhật	Đã thực hiện một phần (báo cáo do CPMU và PPMU chuẩn bị cho đoàn chưa thống nhất gây nhầm lẫn)
5	UBND các tỉnh Bến Tre và Sóc Trăng phân bổ đủ quỹ đối ứng cho năm 2018 sớm nhất có thể nhưng không muộn hơn ngày 30 tháng 11 năm 2018	Đã thực hiện
6	Bộ NN & PTNT thông qua Bộ Tài chính để yêu cầu VBARD và Co-opbank (i) nộp đơn rút vốn để quyết toán phần kinh phí đã sử dụng của các tài khoản tạm ứng của ADB; và (ii) hoàn lại số tiền chưa sử dụng trong tài khoản tạm ứng cho ADB nếu họ không có kế hoạch sử dụng	Đã thực hiện
7	Sau khi FI trả lại số vốn chưa sử dụng trong tài khoản tạm ứng của ADG, số kinh phí này có thể được sử dụng để nhân rộng các mô hình trình triển CSAWMP, đã được thực hiện thành công và mang lại hiệu quả kinh tế, ở các tỉnh chưa có. CPMU gửi yêu cầu nhân rộng để xin ADB không phản càng sớm càng tốt để có đủ thời gian thực hiện	Chưa thực hiện
Các khuyến nghị về quản lý môi trường		
8	CPMU với sự hỗ trợ của LIC để chuẩn bị và phê duyệt IEE cho các hầm KSH quy mô vừa bổ sung để đảm bảo các biện pháp giảm thiểu được thực hiện phù hợp với EARF của dự án và tích hợp EMP trong quá trình xây dựng	Đã thực hiện
9	CPMU làm việc với tư vấn môi trường của LIC để cung cấp hướng dẫn sử dụng phụ phẩm KSH và phân ủ làm phân bón, tránh sử dụng quá nhiều phân bón chưa qua xử lý cho đến	Đã thực hiện một phần Các hoạt động thí

No	Các hoạt động thống nhất	Tiến độ thực hiện
	tháng 10/2018	điểm được thực hiện ở Bắc Giang, Nam Định và Sóc Trang
10	CPMU làm việc với chuyên gia tư vấn môi trường của LIC để hướng dẫn và lập kế hoạch sử dụng khí sinh học do hầm KSH quy mô vừa và lớn sản xuất, tránh xả khí vào khí quyển cho đến tháng 11 năm 2018	Đang thực hiện Các hoạt động thí điểm (gói 26) được thực hiện tại Nam Định
11	CPMU làm việc với PPMU để cải thiện cập nhật cơ sở dữ liệu khí sinh học và cung cấp hỗ trợ kỹ thuật cho các hộ hưởng lợi khi vận hành hầm KSH quy mô nhỏ, cải thiện vệ sinh và vận hành an toàn các công trình KSH	Đang được thực hiện
12	CPMU hỗ trợ các PPMU trong việc giải quyết vấn đề quá tải của các SBP vào tháng 11/2018	Đang thực hiện Hướng dẫn tách phân và ủ phân hữu cơ, giảm quá tải công trình KSH
13	CPMU, với sự giúp đỡ từ chuyên gia tư vấn môi trường của LIC, hỗ trợ các PPMU sử dụng thiết bị môi trường và thực hiện chương trình lấy mẫu, có thể được tích hợp với kiểm tra khí sinh học và trong SEMR kế tiếp từ tháng 9 năm 2018	Chưa thực hiện
14	CPMU và các nhà nghiên cứu CSAWMP nghiên cứu về cách sử dụng phù hợp của máy phát điện cho các hầm KSH quy mô vừa và lớn cho đến tháng 6 năm 2019	Đang thực hiện Các hoạt động thí điểm tại Nam Định và Bình Định
Khuyến nghị về các biện pháp an toàn xã hội		
15	CPMU cập nhật kế hoạch EMDP cho 7 tỉnh dự án DTTS với số lượng người thụ hưởng DTTS thực tế của từng tỉnh và cả ngân sách để thực hiện. Kế hoạch EMDP cập nhật cần được đệ trình lên ADB để xem xét và phê duyệt không muộn hơn ngày 15 tháng 10 năm 2018, sau đó trình lên UBND tỉnh phê duyệt và thông báo cho cộng đồng DTTS, và đăng tải trên trang web của ADB không muộn hơn ngày 30 tháng 10 năm 2018	Đã thực hiện
16	CPMU và PPMU thực hiện tất cả các hoạt động được quy định trong kế hoạch cập nhật EMDP cho tất cả 7 tỉnh dự án DTTS	Đã thực hiện
17	CPMU gửi báo cáo giám sát nội bộ đã được sửa đổi về việc thực hiện EMDP trong giai đoạn từ tháng 1 đến tháng 6 năm 2018 cho ADB trước ngày 15 tháng 10 năm 2018	Đã thực hiện
18	từ nay đến khi hoàn thành dự án, CPMU và PPMU với sự hỗ trợ của các tư vấn thực hiện khoản vay (LIC) tiến hành giám sát nội bộ về việc thực hiện các hoạt động của EMDP đã được cập nhật và đề xuất các biện pháp đẩy nhanh tiến độ thực hiện	Đã thực hiện một phần như hợp đồng LIC, tư vấn an toàn xã hội chưa được gia hạn, tư vấn chỉ làm việc đến tháng 12 năm 2018
19	CPMU gia hạn hợp đồng với tư vấn xã hội của LIC (nếu cần) cho đến khi tất cả các hoạt động của EMDP cập nhật đã được	Chưa được thực hiện

No	Các hoạt động thống nhất	Tiến độ thực hiện
	hoàn thành đáng kể	
Khuyến nghị về Kế hoạch hành động giới (GAP)		
20	CPMU và PPMU tích cực khuyến khích phụ nữ tham gia các khóa đào tạo về xây dựng hầm KSH quy mô vừa và lớn, đặc biệt là lao động nữ để đạt được các mục tiêu GAP	Đang thực hiện một phần vì tỷ lệ nữ tham gia các khóa đào tạo về MBP và LBP chỉ là 14,3%, thấp hơn mục tiêu 15%.
21	Các PPMU hợp tác với hội phụ nữ để tổ chức các sự kiện phổ biến với nhóm chỉ dành cho phụ nữ, hoặc thông qua các cuộc họp hội phụ nữ để thông báo các hoạt động của dự án như PPMU Tiền Giang đã thực hiện ¹	Đang thực hiện một phần chỉ có 11,4% các sự kiện phổ biến liên quan đến các nhóm phụ nữ, thấp hơn mục tiêu 30%.
22	CPMU thực hiện nhiều khóa đào tạo về giới hơn cho cán bộ CPMU và PPMU còn lại và giới thiệu dự án GAP cho các bên liên quan mới (nhà thầu, cán bộ khuyến nông, vv)	Đã thực hiện
23	CPMU thu thập dữ liệu phân tách giới về đào tạo vận hành và bảo trì thiết bị nghiên cứu và giám sát các nhà thầu làm theo mục tiêu GAP (30% nhân viên trong các tổ chức tham gia được đào tạo là phụ nữ)	Đã thực hiện
Đoàn đánh giá		
24	Đoàn đánh giá tiếp theo của ADB sẽ được thực hiện vào tháng ba hoặc tháng tư năm 2019	Đã thực hiện

¹ PPMU tỉnh Tiền Giang đã phối hợp với các hội phụ nữ cấp huyện và xã để tổ chức các sự kiện phổ biến về hoạt động của dự án cho những người đứng đầu hội phụ nữ, sau đó họ sẽ phổ biến lại cho các thành viên trong hội. Đây là 1 phương án tốt để thu hút sự tham gia của phụ nữ vào các khóa đào tạo, cũng như phổ biến lợi ích của việc sử dụng KSH và CSAWMP.

Công trình khí sinh học được xây dựng bởi các tỉnh

(Tính đến 28/02/2019)

TT	Tỉnh	Công trình khí sinh học được xây dựng									
		Nhỏ		Vừa		Lớn	Tổng	%	DTTS	%	Đã chuyển tiền hỗ trợ
		3 triệu	5 triệu	10 triệu	50 triệu						
1	Lao Cai	2,466	1000	0	4	0	3,470	6.0%	1,812	3.1%	3,349
2	Son La	2,086	660	0	0	0	2,746	4.8%	1,480	2.6%	2,746
3	Phu Tho	10,000	835	4	0	0	10,839	18.8%	370	0.6%	10,339
4	Bac Giang	7,460	1365	0	23	0	8,848	15.3%	880	1.5%	8,848
5	Nam Dinh	4,868	509	0	7	2	5,386	9.3%	0	0.0%	5,379
6	Ha Tinh	5,276	0	6	0	0	5,282	9.1%		0.0%	5,148
7	Binh Dinh	8,021	554	0	6	0	8,581	14.8%	5	0.0%	8,579
8	Tien Giang	2,935	931	0	2	0	3,868	6.7%		0.0%	3,558
9	Ben Tre	5,394	195	0	3	0	5,592	9.7%	1	0.0%	5,555
10	Soc Trang	2,820	363	0	5	0	3,188	5.5%	1,107	1.9%	3,100
	Tổng	51,326	6,412	10	50	2	57,800	100%	5,655	9.8%	56,601

Đào tạo về khí sinh học

(Tính đến 28/2/2019)

TT	Tỉnh	Đào tạo người sử dụng, thợ xây, kỹ thuật viên, kỹ sư và nhà thầu								
		Người sử dụng		Thợ xây		Kỹ thuật viên		Kỹ sư		Nhà thầu
		Tổng	nữ	Tổng	nữ	Tổng	nữ	Tổng	nữ	
*	CPMU			126	3	710	182	28	4	18
1	Lao Cai	8,454	4,392	49	4	27	7	0	0	0
2	Son La	2,746	943	29	0	75	11	0	0	0
3	Phu Tho	19,515	10,762	70	12	127	45	0	0	0
4	Bac Giang	17,687	8,737	19	1	43	11	0	0	0
5	Nam Dinh	11,351	6,243	0	0	70	13	0	0	0
6	Ha Tinh	12,818	7,993	126	3	56	14	0	0	0
7	Binh Dinh	8,845	4,088	28	0	53	8	0	0	0
8	Tien Giang	7,647	5,221	34	0	25	4	0	0	0
9	Ben Tre	14,890	6,223	14	5	9	1	0	0	0
10	Soc Trang	6,393	2,377	57	1	73	1	0	0	0
Tổng		110,346	56,979	552	29	1,268	297	28	4	18
Tỷ lệ %			51.6%		5.3%		23.4%		14.3%	

Thông tin về mô hình đoàn ADB tham quan

BẮC GIANG

I. Mô hình nuôi lợn thịt trên chuồng sàn tại Bắc Giang

Trang trại ông: Tô Hiến Thành

Địa chỉ: thôn Danh Thượng 2, xã Danh Thắng, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang

Mô tả về hoạt động trang trại:

- Loại gia súc : Lợn thịt quy mô 500 con, lợn nái 30 con
- Trong đó: đang nuôi trong mô hình là 300 con (trên chuồng sàn 150 con và nuôi đối chứng trên sàn bê tông theo công nghệ cũ 150 con)
- Tổng diện tích trang trại 5,6 ha (trong đó có 3 ha ao thả cá)
- Hoạt động kinh tế khác: nuôi thả cá, vịt đẻ trứng
- Ước tính giá trị sản phẩm trang trại/năm:
 - + Lợn con 750 con, giá trị 1,275 tỷ đồng
 - + Lợn thịt 125 tấn, giá trị 5,625 tỷ đồng
 - + Cá các loại 200 tấn, giá trị 8 tỷ đồng
 - + Vịt : mới nuôi, chưa có thu hoạch
- Đầu tư của gói thầu cho mô hình chuồng sàn: 180 triệu đồng cải tạo chuồng (có thể nuôi 300 lợn thịt/lứa); 80 triệu đồng xây hệ thống xử lý chất thải (nhà ủ phân, bể chứa chất thải)
- Nhờ đầu tư của dự án LCASP thông qua hỗ trợ mô hình chuồng sàn, mô hình xử lý chất thải chăn nuôi đã mang lại hiệu quả rất lớn:
 - + Tiết kiệm trên 80% lượng nước sử dụng, cũng có nghĩa là giảm trên 80% khối lượng dung dịch chất thải chăn nuôi thải ra, là tiền đề để quản lý tốt về chất thải, giảm ô nhiễm;
 - + Tăng trọng lợn 12% so với công nghệ nuôi cũ; tương đương lợi nhuận tăng thêm 600 nghìn đồng/con (tương đương 450 triệu đồng/năm với quy mô 300 con, nuôi 2,5 lứa/năm)
 - + Lượng phân hữu cơ thu được 120 tấn (với quy mô 300 con, nuôi 2,5 lứa/năm) tương đương giá trị 240 triệu đồng/năm
 - + Các lợi ích khác: hoàn toàn không xả chất thải ra môi trường, tiết kiệm lao động.



II. Mô hình xử lý chất thải làm phân bón hữu cơ tại Bắc Giang

Trang trại ông: Nguyễn Văn Nghiệp

Địa chỉ: thôn Đồng Tâm 3, xã Thường Thắng, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang

Mô tả về hoạt động trang trại:

- Loại gia súc : Lợn thịt quy mô 1700 con, lợn nái 80 con
- Trong đó: Mô hình đang xử lý chất thải chăn nuôi cho 1700 lợn thịt
- Tổng diện tích trang trại 15 ha (trong đó có 10 ha trồng lúa, cây trồng cạn; 2 ha rau trong nhà kính và 3 ha dùng cho chăn nuôi lợn)
- Hoạt động kinh tế khác: không có
- Ước tính giá trị sản phẩm trang trại/năm:
 - + Lợn con 2000 con, giá trị 3,4 tỷ đồng
 - + Lợn thịt 425 tấn, giá trị 19,12 tỷ đồng
 - + Giá trị các sản phẩm trồng trọt khoảng 2,4 tỷ đồng
- Đầu tư của gói thầu cho mô hình: xây bể lọc tách chất thải chăn nuôi cho 1700 lợn thịt 30 triệu đồng (thể tích 30 m³: 3 ngăn, 2 đáy); 50 triệu đồng đào 3 ao xử lý chất thải lỏng (lót vải địa); 50 triệu đồng xây nhà ủ phân (công thổi khí cưỡng bức)
- Nhờ đầu tư của dự án LCASP thông qua hỗ trợ mô hình xử lý chất thải chăn nuôi đã mang lại hiệu quả rất lớn:
 - + Lượng phân hữu cơ thu được 640 tấn (với quy mô 1700 con, nuôi 2,5 lúa/năm) tương đương giá trị 1,28 tỷ đồng/năm
 - + Các lợi ích khác: giảm xả chất thải chưa qua xử lý ra môi trường, tiết kiệm lao động.



SÓC TRĂNG

1. Mô hình sử dụng nước thải sau khí sinh học tại Sóc Trăng

Trang trại ông: Liêu Anh Tuấn

Địa chỉ: ấp Sô la 1, xã Tham Đôn, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng

Hộ anh Tuấn hiện đang chăn nuôi 18 con bò sữa, 3 con bê và 4 con heo nái và trồng 2ha cỏ Mulato 1 (cỏ Ghi Nê) để làm thức ăn cho bò.

Chất thải của bò được nạp xuống bể KSH KT2 dạng vòm có thể tích 11m³. KSH được sử dụng để đun nấu, ngày 2 bữa.

Chất thải sau bể KSH được chảy qua bể chứa phụ phẩm, có thể tích 22,68 m³ (7,2 x 2,1 x 1,5m).

Nước thải từ bể này được máy bơm có công suất 1hp bơm đi tưới cho cỏ, phương pháp tưới trực tiếp vào rãnh luống để nước phân ngấm vào đất. Nước tưới được xử lý hay pha loãng trước khi bơm tưới cho cỏ..

Theo đánh giá ban đầu của hộ dân, trước đây chưa biết cách sử dụng nước thải sau công trình KSH tưới cho cỏ, cứ 1ha cỏ, hộ phải mua 3 bao NPK (mỗi bao 50kg) và 1 bao u-rê, với tổng tiền là 2,2 triệu đồng để bón cho cỏ, và sau 45 ngày mới thu hoạch một lứa cỏ.

Từ sau khi được dự án LCASP hỗ trợ mô hình sử dụng nước xả để tưới bón cho cỏ, hộ không phải mua NPK nữa mà chỉ sử dụng u-rê. Kết quả ban đầu cho thấy, sử dụng nước thải sau công trình KSH tưới cho cỏ làm cho cỏ xanh và tốt hơn, giảm được 100% lượng NPK, thời gian thu hoạch cỏ giảm 1/3 thời gian, tức là một lứa cỏ hiện nay còn 30 ngày và năng suất tăng 10%. Trước đây mỗi lứa cỏ cắt là 45 ngày.

2. THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH THỰC NGHIỆM TẠI CÔNG TY TNHH VĨNH THUẬN, SÓC TRĂNG

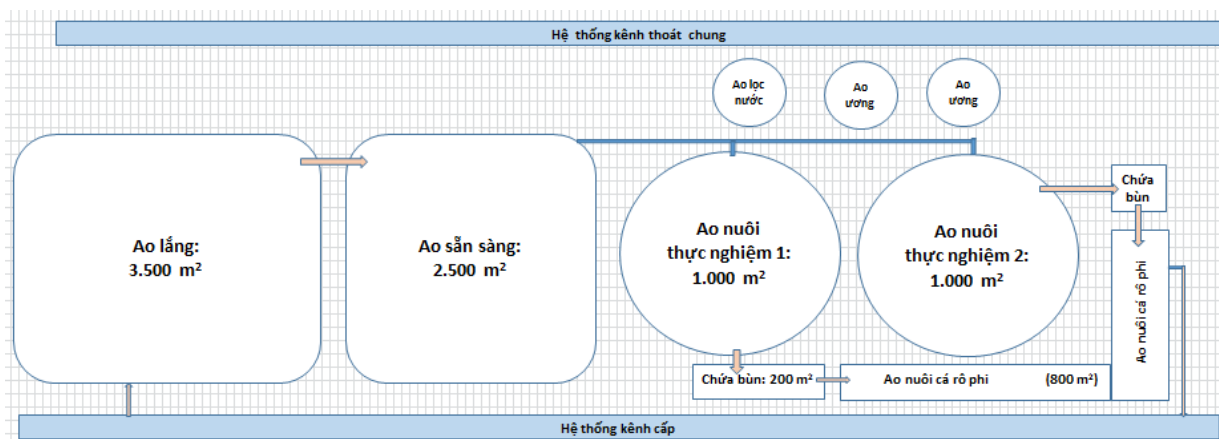
“Nuôi tôm không xả thải ra môi trường bằng công nghệ tạo nhóm vi khuẩn xử lý chất vô cơ và hữu cơ gốc nitơ thành protein và gom các chất lơ lửng trong nước thành viên làm thức ăn cho tôm chân trắng”, tại Công ty TNHH Vĩnh Thuận, khóm Biển Trên, P. Vĩnh Phước, TX. Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

1.1. Thông tin triển khai

- Đến ngày 14/3/2019, mô hình đã thả tôm giống vào ương được 6 ngày.
- Thời gian thực hiện mô hình: 4 tháng

1.2. Mô tả nội dung nghiên cứu:

a. Sơ đồ bố trí mô hình thực nghiệm và quy mô sản xuất



b. Mô tả công nghệ

- Thiết kế và xây dựng hệ thống nuôi tôm theo yêu cầu thí nghiệm. Thực hiện đầy đủ và nghiêm ngặt các biện pháp kỹ thuật như bổ sung mật rỉ đường hoặc bột mì để có tỷ lệ C/N bằng hoặc lớn hơn 15/1, là điều kiện thuận lợi để động vật phù du phát

triển; động vật phù du sẽ gom chất hữu cơ, tảo và vi sinh vật thành viên- flocc. Tôm ăn những viên này, qua đó giảm được hệ số tiêu tốn thức ăn (FCR) và giảm tối đa chất thải trong nước và bùn; Hệ thống sục khí đảm bảo các chất hữu cơ luôn lơ lửng trong nước; Quạt nước đảm bảo tốc độ dòng chảy bên ngoài đạt 8 đến 12 m/giây ở gần giữa ao đạt dưới 6 m/giây; Nhiệt độ nước giao động trong khoảng 28 đến 32°C; Dung lượng flocc 3-5ml/l.

- Giống tôm chân trắng PL12 (12 ngày tuổi) được ương tại 2 bể ương đến 30 ngày tuổi. Tôm giống được chuyển vào ao nuôi tôm thực nghiệm và ao nuôi tôm thực nghiệm 2. Nước và bùn xi phon từ ao nuôi tôm được chuyển về ao chứa bùn, nước từ ao chứa bùn sẽ tràn sang ao nuôi cá rô phi để chúng xử lý (ăn) chất thải và làm sạch nước. Khi nước đã sạch được cấp ngược trở về ao lắng xử lý để tuần hoàn cấp cho ao nuôi. Trong suốt vụ nuôi tôm nước thải và bùn thải không đưa ra môi trường bên ngoài, chất thải được xử lý bằng cá rô phi và tuần hoàn sử dụng cho nuôi tôm.

c. Hiệu quả kinh tế, môi trường và xã hội dự kiến

i) Hiệu quả kinh tế trên mô hình thí nghiệm:

- Nâng cao năng suất, tỷ suất lợi nhuận cao hơn so với đối chứng
- Giảm tỷ lệ FCR so với đối chứng
- Tăng tỷ lệ sống 5% so với đối chứng
- Giảm tỷ lệ rủi ro so với đối chứng

ii) Hiệu quả môi trường:

- Nước thải được xử lý theo hệ thống tuần hoàn khép kín, không xả thải ra môi trường.

- Bùn thải được cá rô phi xử lý và dùng nuôi copepods hoặc giun nhiều tơ.

iii) Hiệu quả xã hội

- Không xảy ra xung đột do không thải nước hàng ngày ra kênh chung.
- Chất lượng sản phẩm tôm đảm bảo an toàn thực phẩm cho người tiêu dùng.
- Đời sống người nuôi tôm ổn định do tỷ lệ nuôi thành công cao.

Tình hình hợp phần tín dụng

(Tính đến 28/02/2019)

TT	Tỉnh	Tín dụng_số khoản vay						
		VBARD		Coopbank		Tổng		
		Số khoản vay	Đồng đứng tên vợ-chồng	Số khoản vay	Đồng đứng tên vợ-chồng	Số khoản vay	Đồng đứng tên vợ-chồng	% nữ
1	Lao Cai	127	127			127	127	100%
2	Son La					0	0	
3	Phu Tho	8	8			8	8	100%
4	Bac Giang	81	81	106	106	187	187	100%
5	Nam Dinh					0	0	
6	Ha Tinh					0	0	
7	Binh Dinh	16	16	55	55	71	71	100%
8	Tien Giang	18	18			18	18	100%
9	Ben Tre					0	0	
10	Soc Trang					0	0	
	Tổng	250	250	161	161	411	411	100%

Hiện trạng các gói nghiên cứu
(Tính đến 28/2/ 2019)

Gói số	Tên gói	Dự toán (Triệu VNĐ)	Hiện trạng
25	Nghiên cứu sản xuất phân hữu cơ từ chất thải chăn nuôi và phụ phẩm khí sinh học theo chuỗi giá trị	26,787	Đã ký hợp đồng, tư vấn đã được huy động. Báo cáo khởi động đã được phê duyệt. Báo cáo rà soát công nghệ đã được phê duyệt; Báo cáo cập nhật kế hoạch chi tiết các mô hình nghiên cứu được phê duyệt. Đã thanh toán lần 2. Nhà thầu tư vấn đang hoàn thành các hoạt động nghiên cứu và chuẩn bị báo cáo hoàn thành kết quả nghiên cứu
26	Nghiên cứu cải thiện công nghệ khí sinh học và sử dụng hiệu quả khí sinh học theo chuỗi giá trị	22,097	Đã ký hợp đồng, tư vấn đã được huy động. Báo cáo khởi động đã được phê duyệt. Báo cáo rà soát công nghệ đã được phê duyệt; Báo cáo cập nhật kế hoạch chi tiết các mô hình nghiên cứu được phê duyệt. Đang làm thủ tục thanh toán lần 2. Nhà thầu tư vấn đang hoàn thành các hoạt động nghiên cứu và chuẩn bị báo cáo hoàn thành kết quả nghiên cứu
27	Nghiên cứu về công nghệ chăn nuôi lợn tiết kiệm nước	13,326	Đã ký hợp đồng, tư vấn đã được huy động. Báo cáo khởi động đã được phê duyệt. Báo cáo rà soát công nghệ đã được phê duyệt; Báo cáo cập nhật kế hoạch chi tiết các mô hình nghiên cứu được phê duyệt. Đã thanh toán lần 2. Nhà thầu tư vấn đang hoàn thành các hoạt động nghiên cứu và chuẩn bị báo cáo hoàn thành kết quả nghiên cứu
28	Nghiên cứu sử dụng hiệu quả chất thải trồng trọt theo chuỗi giá trị	22,800	Đã ký hợp đồng, tư vấn đã được huy động. Báo cáo khởi động đã được phê duyệt. Báo cáo rà soát công nghệ đã được phê duyệt; Báo cáo cập nhật kế hoạch chi tiết các mô hình nghiên cứu đã đệ trình nhưng chưa được phê duyệt. Chưa thanh toán lần 2.
29	Nghiên cứu xử lý bùn thải nuôi tôm ở các ao nuôi tôm	15,314	Đã ký hợp đồng, tư vấn đã được huy động. Báo cáo khởi động đã được phê duyệt. Báo cáo rà soát công nghệ đã được phê duyệt; Báo cáo cập nhật kế hoạch chi tiết các mô hình nghiên cứu được phê duyệt. Đã thanh toán lần 2. Nhà thầu tư vấn đang hoàn thành các hoạt động nghiên cứu và chuẩn bị báo cáo hoàn thành kết quả nghiên cứu

Gói số	Tên gói	Dự toán (Triệu VNĐ)	Hiện trạng
42	Thí điểm công nghệ sản xuất phân hữu cơ khoáng chuyên dùng cho cây trồng chủ lực từ chất thải chăn nuôi và phụ phẩm khí sinh học ở Việt Nam	3,997.170	Đã ký hợp đồng, tư vấn đã được huy động. Báo cáo khởi động đã được phê duyệt. Báo cáo rà soát công nghệ đã đệ trình nhưng chưa được phê duyệt;
43	Xây dựng hệ thống sản xuất và cung ứng chế phẩm VSV chuyển hóa chất hữu cơ phục vụ xử lý chất thải chăn nuôi, chất thải sau khí sinh học và chất thải trồng trọt tại Việt Nam để sản xuất phân bón hữu cơ	3,095.785	Đã ký hợp đồng, tư vấn đã được huy động. Báo cáo khởi động chưa được phê duyệt.

Tình hình thực hiện các gói mô hình trình diễn CSAWMP

(Tính đến 28/2/2019)

Gói số	Tên gói	Tỉnh	Kinh phí (Tỷ VND)	Tiến độ thực hiện
32	Sử dụng hệ thống máy tách phân để xử lý chất thải chăn nuôi làm nguyên liệu sản xuất phân hữu cơ quy mô trang trại	Bac Giang, Ben Tre, Binh Dinh, and Phu Tho	27,492	Bac Giang: đã thanh lý hợp đồng. 8/8 hệ thống máy tách phân đang hoạt động tốt Ben Tre: chưa thanh lý hợp đồng. 5/5 hệ thống máy tách phân đang hoạt động tốt Binh Dinh: đã thanh lý hợp đồng. 4/4 hệ thống máy tách phân đang hoạt động tốt Phu Tho: đã thanh lý hợp đồng. 13/13 hệ thống máy tách phân đang hoạt động tốt
33	Sử dụng hệ thống máy tách phân để xử lý chất thải chăn nuôi làm nguyên liệu sản xuất phân hữu cơ quy mô trang trại	Ha Tinh, Nam Dinh, Soc Trang, Son La, and Tien Giang	19,760	Ha Tinh: đã thanh lý hợp đồng. 2/2 hệ thống máy tách phân đang hoạt động tốt Nam Dinh: đã thanh lý hợp đồng. 7/7 hệ thống máy tách phân đang hoạt động tốt Soc Trang: 1/1 hệ thống máy tách phân đang hoạt động tốt. Đang đề xuất gia hạn đến tháng 5/2019 Son La: đã thanh lý hợp đồng. 5/5 hệ thống máy tách phân đang hoạt động tốt Tien Giang: đã thanh lý hợp đồng. 5/5 hệ thống máy tách phân đang hoạt động tốt
34	Quản lý toàn diện chất thải chăn nuôi thông qua ứng dụng công nghệ khí sinh học, máy phát điện và máy tách phân	Binh Dinh, Ha Tinh, Nam Dinh and Soc Trang	10,248	Binh Dinh: chưa thanh lý hợp đồng. 1/1 hệ thống máy đang hoạt động tốt Ha Tinh: đã thanh lý hợp đồng. 1/1 hệ thống máy đang hoạt động tốt Nam Dinh: đã thanh lý hợp đồng. 2/2 hệ thống máy đang hoạt động tốt Soc Trang: chưa thanh lý hợp đồng. 1/1 hệ thống máy đang hoạt động tốt
35	Sử dụng hệ thống máy tách phân di động để xử lý chất thải chăn nuôi làm nguyên liệu sản xuất phân bón hữu cơ quy mô nhóm hộ	Bac Giang, Ben Tre, Binh Dinh and Lao Cai	4,413	Đã ký hợp đồng, Bac Giang: 2/2 hệ thống đã bàn giao và hoạt động tốt, Binh Dinh: 1/1 hệ thống đã bàn giao và hoạt động tốt
36	Sử dụng máy phát điện bằng khí sinh học	Binh Dinh, Ha Tinh, Lao Cai, Soc Trang and Tien Giang	6,272	Binh Dinh: chưa thanh lý hợp đồng. 1/1 hệ thống máy đang hoạt động tốt Lao Cai: chưa thanh lý hợp đồng. 21/21 hệ thống máy đang hoạt động tốt Soc Trang: chưa thanh lý hợp đồng. 1/1 hệ thống máy đang hoạt động tốt Tien Giang: đã thanh lý hợp đồng. 2/2 hệ thống máy đang hoạt động tốt
37	Sử dụng nước thải công trình	Soc Trang and	4,124	Đã ký hợp đồng, Binh Dinh: chưa thanh lý hợp đồng; 71/71 hộ đã được

Gói số	Tên gói	Tỉnh	Kinh phí (Tỷ VND)	Tiến độ thực hiện
	khí sinh học làm phân bón cho cây trồng	Bình Định		lắp đặt và hoạt động tốt Sóc Trang: chưa thanh lý hợp đồng; 25/25 hộ đã được lắp đặt và hoạt động tốt
38	Sử dụng phân bò làm nguyên liệu nuôi giun quế	Sóc Trang	334	Đã ký hợp đồng, mô hình đang vận hành tốt tại Sóc Trăng
44	Mô hình cung cấp hệ thống xử lý toàn diện chất thải chăn nuôi thông qua ứng dụng công nghệ tách phân làm nguyên liệu sản xuất phân bón hữu cơ, sử dụng triệt để khí biogas để vận hành máy phát điện và xử lý nước thải sau biogas để tưới cho cây trồng tại Bắc Giang	Bắc Giang	1,965.140	Chưa thanh lý hợp đồng, hệ thống máy tách phân và máy phát điện đã được bàn giao và đang vận hành tốt
45	Mô hình sử dụng nước thải công trình khí sinh học làm phân bón cho cây trồng tại Hà Tĩnh	Hà Tĩnh	90,000.00 USD	Hồ sơ chào hàng cạnh tranh chưa được phê duyệt. Dự kiến trao thầu trong tháng 3/2019
47	Mô hình sử dụng công nghệ máy phát điện khí sinh học quy mô trang trại tại tỉnh Bắc Giang	Bắc Giang	86,783.00 USD	Hồ sơ chào hàng cạnh tranh chưa được phê duyệt. Dự kiến trao thầu trong tháng 4/2019
48	Mô hình sử dụng nước thải công trình khí sinh học làm phân bón hữu cơ cho cây trồng tại tỉnh Bắc Giang	Bắc Giang	86,211.00 USD	Hồ sơ chào hàng cạnh tranh chưa được phê duyệt. Dự kiến trao thầu trong tháng 4/2019
49	Mô hình sử dụng phân lợn làm nguyên liệu để nuôi trùn quế tại tỉnh Bắc Giang	Bắc Giang	86,652.00 USD	Hồ sơ chào hàng cạnh tranh chưa được phê duyệt. Dự kiến trao thầu trong tháng 4/2019

Tập huấn về CSAWMP
(Tính đến 28/2/2019)

TT	Tỉnh	Số người được đào tạo về CSAWMP			
		Nông dân		Cán bộ khuyến nông	
		Tổng	Nữ	Tổng	Nữ
0	CPMU			274	82
1	Lao Cai	945	380	39	16
2	Son La	748	526	212	77
3	Phu Tho	3,500	1,874	0	0
4	Bac Giang	3,630	2,054	67	31
5	Nam Dinh	4,365	2,102	100	50
6	Ha Tinh	1,069	644	33	15
7	Binh Dinh	1,401	472	387	82
8	Tien Giang	2,754	1,176	0	0
9	Ben Tre	840	192	322	60
10	Soc Trang	2,731	1,260	0	0
Tổng		21,983	10,680	1,434	413
Tỷ lệ %			48.6%		28.8%

Kế hoạch trao thầu tổng thể đối với nguồn vốn ADB

TT	CPMU/ tỉnh	Nhu cầu vốn ADB (VND mil.)	Lũy kế trao thầu đến 28/2/2019	Trao thầu (VND mil.)								Ratio %
				2019				2020				
				March	Q II	Q III	Q IV	Q I	Q II	Q III	Q IV	
*	CPMU	297,384	251,304	460	42,180	860	860	860	860			85%
1	Binh Dinh	59,778	52,813	200	6,765	0	0					88%
2	Bac Giang	68,880	54,817	100	13,415	200	348					80%
3	Ben Tre	32,951	29,077	213	3,059	522	80					88%
4	Ha Tinh	42,672	30,347	592	8,092	150	3,491					71%
5	Lao Cai	34,391	27,050	1,175	2,932	2,697	537					79%
6	Nam Dinh	53,261	44,498	0	6,926	900	937					84%
7	Phu Tho	74,900	63,962	1,720	5,722	494	3,002					85%
8	Soc Trang	31,593	23,053	400	6,572	768	800					73%
9	Son La	27,169	20,245	50	4,348	1,222	1,304					75%
10	Tien Giang	26,060	24,543	1,353	124	19	21					94%
11	VBARD	6,800	6,460		170	170						95%
12	Co-opbank	39,610	10,455	4,505	6,545	9,010	9,095					26%
Tổng cộng VND mil.		795,447	638,623	10,768	106,850	17,012	20,475	860	860	0	0	80%
Tổng cộng USD mil.		35.353	28.480	0.481	4.631	0.768	0.917	0.037	0.037	0.000	0.000	80%

Kế hoạch giải ngân tổng thể đối với nguồn vốn ADB

TT	CPMU/ tỉnh	Nhu cầu vốn ADB (VND mil.)	Lũy kế giải ngân đến 28/2/2019	Giải ngân (VND mil.)								Tỷ lệ %
				2019				2020				
				March	Q II	Q III	Q IV	Q I	Q II	Q III	Q IV	
*	CPMU	297,384	130,072	15,660	73,925	75,087	920	860	860			44%
1	Binh Dinh	59,778	49,134	200	8,444	1,350	650					82%
2	Bac Giang	68,880	53,161	0	15,171	200	348					77%
3	Ben Tre	32,951	28,206	0	2,173	2,492	79					86%
4	Ha Tinh	42,672	29,941	998	5,154	3,088	1,467	2,024				70%
5	Lao Cai	34,391	25,602	400	5,155	500	2,734					74%
6	Nam Dinh	53,261	44,498	0	6,926	900	937					84%
7	Phu Tho	74,900	57,189	0	14,215	494	3,002					76%
8	Soc Trang	31,593	19,389	200	5,084	626	6,293					61%
9	Son La	27,169	20,245	50	4,348	1,280	1,246					75%
10	Tien Giang	26,060	21,460	19	4,541	19	21					82%
11	VBARD	6,800	6,460		170	170						95%
12	Co-opbank	39,610	10,455	4,505	6,545	9,010	9,095					26%
Tổng cộng VND mil		795,447	495,811	22,032	151,852	95,216	26,792	2,884	860	0	0	62%
Tổng cộng USD mil		35.353	22.324	0.967	6.571	4.139	1.190	0.124	0.037	0.000	0.000	62%

Vốn đối ứng và kế hoạch giải ngân tổng thể

TT	CPMU/ tỉnh	Nhu cầu Vốn đối ứng (VND mil.)	Lũy kế giải ngân đến 31-12-2018	Giải ngân (VND mil.)								Tỷ lệ giải ngân %	
				2019				2020					
				Jan-Feb	March	Q II	Q III	Q IV	Q I	Q II	Q III		Q IV
*	CPMU	32,470	21,270	1,000	1,500	2,000	1,000	1,500	2,000	2,200			66%
1	Binh Dinh	4,257	3,257	167	83	250	250	250					77%
2	Bac Giang	3,456	2,556	200	100	300	150	150					74%
3	Ben Tre	2,068	1,518	66	34	100	150	200					73%
4	Ha Tinh	5,850	4,650	200	100	300	300	300					79%
5	Lao Cai	3,141	2,606	66	34	100	100	235					83%
6	Nam Dinh	4,129	3,129	200	100	300	200	200					76%
7	Phu Tho	3,523	3,058	66	34	165	100	100					87%
8	Soc Trang	2,858	2,389	113	56	100	100	100					84%
9	Son La	3,653	2,710	107	53	240	260	283					74%
10	Tien Giang	1,793	1,358	73	37	110	110	105					76%
11	VBARD	1,200	1,140			30	30						95%
12	Co-opbank	6,990	1,845		795	1,155	1,590	1,605					26%
Tổng VND		75,388	51,486	2,258	2,926	5,150	4,340	5,028	2,000	2,200	0	0	68%
Tổng USD (mil)		3.281	2.231	0.097	0.129	0.227	0.193	0.223	0.086	0.095	0.000	0.000	68%
Tổng nhu cầu vốn đối ứng cho năm 2019				19,702									
Tổng phân bổ cho năm 2019				19,502									
Thiếu vốn đối ứng				200									

PHỤ LỤC 4: CAM KẾT CỤ THỂ CỦA DỰ ÁN - THEO HIỆP ĐỊNH

Khoản vay	Chương	Khố số	Nội dung	Ghi chú	Loại
Khoản vay 2968	Điều 4	1	(b) Trong quá trình thực hiện dự án và vận hành các phương tiện của Dự án, Bên vay phải thực hiện hoặc buộc phải thực hiện tất cả các nghĩa vụ được quy định trong Phụ lục 5 của Hiệp định vay này.	Đang tuân thủ.	Khác
Khoản vay 2968	Điều 4	1	(a) Bên vay sẽ giao cho các ĐCTC thực hiện dự án với trách nhiệm và hiệu quả phù hợp với các ứng dụng phát triển, kinh doanh, tài chính, kỹ thuật có thể áp dụng.	Đang tuân thủ.	Tài chính
Khoản vay 2968	Chương 5	1	Bên vay phải đảm bảo dự án được thực hiện phù hợp với các thỏa thuận chi tiết được quy định trong PAM. Bất kỳ thay đổi tiếp theo với PAM sẽ có hiệu lực chỉ sau khi phê duyệt thay đổi đó bằng Bên vay và ADB. Trong trường hợp có sự khác biệt giữa PAM và Hiệp định này cho vay, các quy định của Hiệp định vay này sẽ được áp dụng.	Đang tuân thủ.	Khác
Khoản vay 2968	Điều 3	1	Bên vay sẽ sử dụng số vốn vay để tài trợ cho các chi tiêu của dự án phù hợp với các điều khoản của Hiệp định vay này và Hiệp định dự án.	Đang tuân thủ.	Tài chính
Khoản vay 2968	Điều 3	2	Bên vay sẽ ký kết Hiệp định vốn vay phụ với mỗi FI, cung cấp các khoản vay lại là một phần trong tiền vốn vay không vượt quá Hai mươi ba triệu hai trăm ba mươi chín nghìn Quyền rút vốn đặc biệt (SDR 23.239.000) tập hợp với tất cả FIs, việc thực hiện các hoạt động dự án của các FIs được mô tả chi tiết tại Phần 1 (ii) của Phụ lục 1 của Hiệp định vay này, và quyền của bên Vay và ADB. Hiệp định vốn vay phụ sẽ bao gồm các điều khoản, điều kiện được ADB chấp thuận, và sẽ không ảnh hưởng, không giới hạn đến nghĩa vụ của Bên vay trong Hiệp định vay này.	Đã tuân thủ.	Tài chính
Khoản vay 2968	Điều 4	2	(a) Bên vay sẽ (i) duy trì các tài khoản riêng biệt và lưu trữ cho Dự án; (ii) chuẩn bị báo cáo tài chính hàng năm theo các nguyên tắc kế toán được ADB chấp nhận; (iii) các báo cáo tài chính này được kiểm toán hàng năm bởi các kiểm toán viên độc lập có trình độ, kinh nghiệm và các điều khoản tham chiếu được ADB chấp thuận, phù hợp với tiêu chuẩn kiểm toán trong và ngoài nước được ADB chấp thuận; (iv) như là một phần của kiểm toán, các kiểm toán viên chuẩn bị báo cáo (bao gồm cả các ý kiến của các kiểm toán viên về việc sử dụng vốn vay và tuân thủ các thủ tục của tài khoản tạm ứng và bản sao kê chi tiêu) và thư quản lý (đưa ra các thiếu sót trong hệ thống quản lý nội bộ của dự án đã được xác định trong quá trình kiểm toán nếu có.); và (v) cung cấp cho ADB không muộn hơn 6 tháng sau khi kết thúc năm tài chính các bản sao sao kê tài chính đã kiểm toán, báo cáo kiểm toán và thư quản lý, tất cả đều bằng tiếng Anh, và các thông tin khác liên quan đến các tài liệu này và việc kiểm toán khi ADB yêu cầu một cách thích hợp tại từng thời điểm	Đang tuân thủ.	Tài chính
			(b) ADB sẽ công bố Báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận được báo cáo trên website của ADB.	Đang tiến hành.	
			(c) Bên vay sẽ tạo điều kiện cho ADB, theo yêu cầu của ADB, thảo luận với các kiểm toán viên về các báo cáo tài chính và các vấn đề tài chính liên quan đến Dự án theo mục (a)(iii) và sẽ ủy quyền và yêu cầu bất cứ đại diện nào của các nhà kiểm toán này tham gia vào bất cứ cuộc thảo luận nào do ADB yêu cầu. Trừ khi Bên vay có thỏa thuận khác đi thì các cuộc thảo luận sẽ chỉ được tiến hành với sự có mặt của cán bộ có thẩm quyền của Bên vay.	Đang tuân thủ.	
Khoản vay 2968	Chương 5	2	(a) Trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày Hiệp định vay có hiệu lực, Bên vay phải nộp bằng chứng bằng văn bản thỏa đáng cho ADB cho thấy một đơn vị hỗ trợ kỹ thuật (TSU) đã được thành lập dưới CPMU để thực hiện các hoạt động tư vấn của dự án đã được miêu tả trong PAM.	Đã tuân thủ.	Khác

Khoản vay	Chương	Khố số	Nội dung	Ghi chú	Loại
			(b) Minh chứng được chuyển giao theo khoản (a) nói trên sẽ bao gồm: (i) Cung cấp tên của các cán bộ hợp tác của các cơ quan nhà nước đã được miêu tả trong PAM cùng nhau tham gia vào TSU; và (ii) Cung cấp tên của người đứng đầu TSU, là người sẽ được xác định trong quá trình thực hiện dự án.	Đã tuân thủ.	
			(c) Bên vay phải đảm bảo hoặc buộc CPMU đảm bảo rằng không có số tiền nào được gửi vào tài khoản phụ của TSU trừ khi và cho đến khi Bên vay đã tuân thủ khoản (a) và (b) trên và điều khoản tham chiếu của mỗi thành viên trong TSU được ADB chấp thuận. Mỗi điều khoản tham chiếu sẽ phản ánh vai trò kỹ thuật và tư vấn của TSU và sẽ không bao gồm bất cứ hoạt động nào có liên quan đến quản lý hoặc thực hiện dự án mà chỉ được thực hiện bởi đơn vị thực hiện dự án và IAs.	Đã tuân thủ.	
Khoản vay 2968	Chương 5	3	Bên vay có trách nhiệm đảm bảo rằng mỗi khoản vay phụ, trừ phi được đồng ý của ADB: (i) là bằng Đồng; (ii) có một khoảng thời gian ân hạn, và tỷ lệ lãi suất được xác định bởi Bên vay phù hợp với thực tiễn cho vay của Bên vay áp dụng đối với cho vay lại nguồn vốn bên ngoài được vay của Bên vay; và (iii) được thực hiện theo các điều khoản và điều kiện khác do ADB chấp nhận.	Đang tuân thủ.	Tài chính
Khoản vay 2968	Điều 3	4	Bên vay sẽ giao cho các ĐCTC cho vay lại nguồn vốn từ Vốn vay phụ cho Bên hưởng lợi hợp lệ theo Thỏa thuận cho vay lại, Phần 2 của đoạn 2 của Phụ lục 1 của Hiệp định vay này và phù hợp với các quy định của Hiệp định vay này.	Đang tuân thủ.	Tài chính
Khoản vay 2968	Điều 4	3	Ngoài các báo cáo và thông tin được quy định tại mục 6,05 của Quy chế vay, Bên vay phải cung cấp, hoặc buộc phải cung cấp cho ADB tất cả các báo cáo và thông tin theo yêu cầu của ADB một cách hợp lý liên quan đến(a) bên hưởng lợi hợp lệ, Tiểu dự án hợp lệ và các khoản vay phụ; và (b) điều kiện quản lý, hoạt động và tài chính của mỗi ĐCTC.	Đang tuân thủ.	Tài chính
Khoản vay 2968	Điều 4	4	Bên vay phải tạo điều kiện cho các đại diện của ADB kiểm tra Dự án, Hàng hóa và Công trình, bất kỳ bên hưởng lợi hợp lệ, Tiểu dự án hợp lệ và bất kỳ sổ sách và tài liệu liên quan.	Đang tuân thủ.	Khác
Khoản vay 2968	Điều 3	5	Số vốn vay sẽ được phân bổ và rút vốn phù hợp với các quy định tại Phụ lục 3 của Hiệp định vay này, Phụ lục này có thể được sửa đổi theo thỏa thuận giữa bên Vay và ADB theo từng thời điểm.	Đang tuân thủ.	Tài chính
Khoản vay 2968	Chương 5	4	Đối với mỗi dự án xây dựng cơ sở hạ tầng chuỗi giá trị khí sinh học được tài trợ bởi một khoản vay phụ theo Phần 1 (ii) của Phụ lục 1 trong Hiệp định vay này, Bên vay có trách nhiệm đôn đốc các ĐCTC liên quan để đảm bảo rằng: (i) khoản vay phụ chỉ được thực hiện cho những người hưởng lợi đủ điều kiện cho các tiểu dự án đủ điều kiện; (ii) Công trình khí sinh học được xây dựng bởi các thợ xây có chứng nhận hoặc các nhà thầu tuân thủ với các tiêu chuẩn về kỹ thuật và môi trường có liên quan được chỉ rõ trong Tiêu chí tiểu dự án hợp lệ (iii) Tiêu chí tiểu dự án hợp lệ được thêm vào các tiêu chí đủ điều kiện vốn vay tiêu chuẩn của các ĐCTC để đảm bảo các khách hàng mục tiêu của Dự án đạt được	Đang tuân thủ.	Tài chính
Khoản vay 2968	Điều 3	3	Trừ khi ADB có thỏa thuận khác, số tiền vốn vay phụ sẽ chỉ được sử dụng Khoản vay phụ cho Bên hưởng lợi hợp lệ cho Tiểu dự án hợp lệ và sẽ được áp dụng riêng cho chi phí về Hàng hóa, xây lắp và các khoản chi tiêu khác cần thiết để thực hiện từng Tiểu dự án hợp lệ.	Đang tuân thủ.	Tài chính
Khoản vay 2968	Điều 4	5	Bên vay phải hành động kịp thời các hoạt động bao gồm cung cấp kinh phí, cơ sở vật chất, dịch vụ và các nguồn lực khác cần thiết để tạo điều kiện cho các ĐCTC thực hiện nghĩa vụ của mình theo Hiệp định dự án, và sẽ không thực hiện hoặc cho phép bất kỳ hành động nào ảnh hưởng đến việc thực hiện nghĩa vụ đó.	Đang tuân thủ.	Tài chính

Khoản vay	Chương	Kho số	Nội dung	Ghi chú	Loại
Khoản vay 2968	Chương 5	5	Đối với mỗi cơ sở hạ tầng chuỗi giá trị khí sinh học vừa và lớn được tài trợ bởi một khoản vay phụ trong phần 2 đoạn 2 của Phụ lục 1 Hiệp định này, bên vay sẽ ưu tiên xây dựng công trình trong một CLZ.	Đang tuân thủ.	Khác
Khoản vay 2968	Chương 5	6	Bên vay phải đảm bảo rằng: (i) các ĐCTC cùng nhau cung cấp tài chính vốn đối ứng với một số tiền không ít hơn \$ 6.300.000 gắn với tài trợ cho các hoạt động dự án được mô tả trong Phần 2 đoạn 2 của Phụ lục 1 của Hiệp định vay này; (ii) mỗi khoản vay phụ có mức lãi suất theo thỏa thuận của Bộ Tài chính và ĐCTC liên quan trong Hiệp định vốn vay phụ liên quan, (iii) tỷ lệ cho lãi suất cho mỗi khoản vay phụ được xác định dựa trên lãi suất và nhu cầu thị trường, và (iv) mỗi khoản vay phụ có các điều khoản, điều kiện khác cũng như các ĐCTC liên quan có thể có các khoản vay thêm cho khách hàng theo thời gian trong các hoạt động kinh doanh thông thường. Trong khi xác định lãi suất áp dụng và các điều khoản và điều kiện cho một khoản vay phụ, bên vay và các ĐCTC sẽ xem xét, và do đó đảm bảo rằng những người hưởng lợi có thể truy cập các nguồn tài chính chấp nhận được để xây dựng các công trình khí sinh học và bên vay phải đảm bảo hoặc đôn đốc các ĐCTC để đảm bảo rằng không chỉnh sửa, miễn trừ, bổ sung hoặc các sửa đổi khác được thực hiện với các điều khoản và điều kiện của bất kỳ khoản vay phụ nào đó mà có thể gây nguy	Đang tuân thủ.	Tài chính
Khoản vay 2968	Điều 3	6	Trừ khi ADB có thỏa thuận khác, Bên vay sẽ thực hiện việc mua sắm, buộc phải thực hiện các khoản chi tiêu được tài trợ bằng tiền của khoản vay phù hợp với các điều khoản nêu tại Phụ lục 4 của Hiệp định vay này.	Đang tuân thủ.	Khác
Khoản vay 2968	Điều 4	6	(a) Bên vay sẽ thực hiện các quyền của mình theo các Thỏa thuận vốn vay bổ sung để bảo vệ lợi ích của Bên vay và ADB và để thực hiện được mục đích của Khoản vay.	Đang tuân thủ.	Tài chính
			(b) Quyền hoặc nghĩa vụ theo các hiệp định vay phụ sẽ không được chỉ định, sửa đổi, bãi bỏ hoặc hủy bỏ mà không có sự nhất trí trước đó của ADB.	Đang tuân thủ.	
Khoản vay 2968	Điều 3	7	Các lần rút vốn từ Tài khoản vay cho mua sắm Hàng hóa, xây lắp và Dịch vụ tư vấn sẽ chỉ được thực hiện cho các khoản chi tiêu có liên quan tới:		Khác
			(a) Xây lắp được thực hiện tại và cung cấp từ/và Dịch vụ tư vấn và xây lắp, được cung cấp từ các nước thành viên của ADB do ADB quy định cụ thể theo từng thời điểm được coi là nguồn mua sắm hợp lệ, và (b) Các dịch vụ Hàng hóa, Xây lắp và tư vấn đáp ứng các yêu cầu hợp lệ khác sẽ do ADB quy định cụ thể tại từng thời điểm.	Đang tuân thủ.	
Khoản vay 2968	Chương 5	7	Bên vay sẽ phân bổ một nguồn quỹ cho những người hưởng lợi đủ điều kiện như là một khuyến khích tài chính để thực hiện các tiểu dự án hợp lệ và hỗ trợ phát triển thị trường các bon. Các khoản kinh phí phân bổ sẽ được thực hiện đúng theo PAM.	Đang tuân thủ.	Khác
Khoản vay 2968	Chương 5	8	Trong khía cạnh của một tiểu dự án khả thi, bên vay phải đảm bảo hoặc đôn đốc CPMU, các PPMU và các ĐCTC để đảm bảo rằng kinh phí phân bổ không được chuyển vào tài khoản của người hưởng lợi có đủ điều kiện liên quan cho đến khi PPMU phối hợp với tiểu dự án khả thi đã xác nhận với ĐCTC liên quan và ADB theo đó điều tra nợ và thanh tra vật chất và sự chứng nhận theo yêu cầu của đoạn 4 (ii) ở trên, mà tiểu dự án đủ điều kiện như vậy và sự xác nhận đã tuân thủ tất cả các yêu cầu kỹ thuật, xây dựng, môi trường và các yêu cầu khác và biện pháp bảo vệ thiết lập trong Tiêu chuẩn điều kiện của tiểu dự án	Đang tuân thủ.	Khác
Khoản vay 2968	Chương 5	9	Bên vay phải đảm bảo hoặc đôn đốc CPMU, các PPMU và các ĐCTC để đảm bảo rằng các tiêu chí Tiểu dự án đủ điều kiện không được sửa đổi, bổ sung, miễn, hoãn lại hoặc nếu không sửa đổi trong bất kỳ cách nào mà không có sự đồng ý trước của ADB.	Đang tuân thủ.	Khác

Khoản vay	Chương	Khố số	Nội dung	Ghi chú	Loại
Khoản vay 2968	Chương 5	10	Bên vay phải đảm bảo rằng danh mục đầu tư của các khoản vay phụ được hạch toán và báo cáo một cách riêng biệt bởi các ĐCTC theo mẫu và ở tần số nhất định và có thể được yêu cầu bởi ADB.	Đang tuân thủ.	Tài chính
Khoản vay 2968	Chương 5	11	Bên vay ngay lập tức thông báo cho ADB bất cứ lúc nào nếu nhận được thông tin từ một ĐCTC rằng: (A) tỷ lệ phần trăm vốn vay phụ không hoạt động được tài trợ bởi ĐCTC đó có khả năng vượt quá 5% của tổng số tiền chưa chi trả của tất cả các khoản vay phụ của ĐCTC đó tại thời điểm đó, và (B) tỷ lệ phần trăm của các khoản vay phụ không hoạt động tài trợ bởi ĐCTC đó có khả năng vượt quá 10% của tổng số tiền chưa chi trả của tất cả các khoản vay phụ của ĐCTC đó tại thời điểm đó ("Giới hạn NPL"). Nếu, vào bất kỳ thời điểm nào mà nhận được thông tin từ một ĐCTC rằng giới hạn NPL đã bị vượt quá, cho đến khi có thông báo mới của ADB, Bên vay sẽ ngay lập tức chấm dứt xử lý bất kỳ hoạt động rút tiền nào tại thời điểm đó hoặc đang diễn ra ở ĐCTC đó và sẽ tạm thời đình chỉ tất cả các quá trình giải ngân trong hiện định vốn vay phụ ở ĐCTC đó.	Đang tuân thủ.	Tài chính
Khoản vay 2968	Chương 5	12	Bên vay phải đảm bảo hoặc đôn đốc các ĐCTC để đảm bảo rằng không có các tiểu dự án liên quan đến bất kỳ tác động tái định cư không tự nguyện, môi trường hay tác động đến người dân bản địa hoặc các nhóm dân tộc thiểu số mà có thể được phân loại như Thể loại A, trong nội dung của Báo cáo chính sách an toàn.	Đang tuân thủ.	An toàn
Khoản vay 2968	Chương 5	13	Bên vay phải đảm bảo rằng: (i) Dự án không có bất kỳ tác động tái định cư không tự nguyện trong nghĩa của Báo cáo chính sách an toàn, và (ii) các khu vực được lựa chọn cho bất kỳ tiểu dự án sẽ được nằm trên đất đã thuộc sở hữu của những người hưởng lợi đủ điều kiện do đó đảm bảo rằng các tiểu dự án sẽ không đòi hỏi bất kỳ việc thu hồi đất nào. Trong trường hợp dự án không có bất kỳ tác động tái định cư không tự nguyện, bên vay phải thực hiện tất cả các bước cần thiết để đảm bảo rằng dự án phù hợp với các luật và quy định của Bên vay và với Báo cáo chính sách.	Đang tuân thủ.	An toàn
Khoản vay 2968	Chương 5	14	Bên vay phải bảo đảm hoặc đôn đốc các ĐCTC để đảm bảo rằng việc chuẩn bị, thiết kế, xây dựng, thực hiện, hoạt động và không sử dụng của mỗi tiểu dự án đủ điều kiện và các cơ sở dự án tất cả được thực hiện theo quy định: (i) tất cả các luật và quy định của Bên vay liên quan đến sức khỏe, môi trường, và an toàn; (ii) bảo vệ môi trường, (iii) EARF, và (iv) tất cả các biện pháp và yêu cầu đặt ra trong IEE và EMP tương ứng, và bất kỳ hành động khắc phục hoặc phòng ngừa nào được nêu trong Báo cáo giám sát môi trường.	Đang tuân thủ.	An toàn
Khoản vay 2968	Chương 5	15	Bên vay phải đảm bảo hoặc đôn đốc các ĐCTC để đảm bảo rằng việc chuẩn bị, thiết kế, thực hiện, xây dựng và hoạt động của mỗi tiểu dự án đủ điều kiện phù hợp với (i) tất cả các luật và quy định của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam liên quan đến đồng bào dân tộc thiểu số; (ii) biện pháp bảo vệ người bản địa, và (iii) tất cả các biện pháp và yêu cầu đặt ra trong EMDP và bất kỳ hành động khắc phục hoặc phòng ngừa được nêu trong Báo cáo giám sát môi trường.	Đang tuân thủ.	An toàn
Khoản vay 2968	Chương 5	16	Bên vay phải đảm bảo rằng các EMDP chuẩn bị cho dự án và được đồng ý với ADB được cập nhật và thực hiện đầy đủ một cách kịp thời, và có đủ nguồn lực được phân bổ cho mục đích này.	Đang tuân thủ.	An toàn
Khoản vay 2968	Chương 5	17	17. Bên vay phải làm hoặc chỉ đạo các ĐCTC làm như sau:		An toàn
			(a) trình báo cáo giám sát môi trường định kỳ nửa năm cho ADB;	Đang tuân thủ.	
			(b) nếu bất kỳ tác động và rủi ro xã hội hoặc môi trường bất ngờ nào phát sinh trong quá trình thực hiện tiểu dự án đủ điều kiện thì phải kịp thời thông báo cho ADB sự xuất hiện của những rủi ro hoặc tác động đó, với mô tả chi tiết các sự kiện và đề xuất kế hoạch hành động khắc phục;	Đang tuân thủ.	

Khoản vay	Chương	Kho số	Nội dung	Ghi chú	Loại
			(c) báo cáo kịp thời các hành vi vi phạm thực tế hoặc tiềm năng của việc tuân thủ các biện pháp và yêu cầu đặt ra trong EARF và bất kỳ EMP hoặc EMDP sau khi nhận thức được hành vi vi phạm.	Đang tuân thủ.	
Khoản vay 2968	Chương 5	18	Bên vay phải chỉ đạo Cơ quan chủ quản dự án để đảm bảo rằng: (i) các hợp đồng cho các công việc liên quan có quy định cấm sử dụng lao động trẻ em và sự khác biệt về tiền lương giữa lao động nam và nữ cho công việc có giá trị như nhau, theo quy định của pháp luật và các quy định có liên quan của Bên vay; (ii) hợp đồng này cũng bao gồm các quy định bắt buộc về y tế, vệ sinh, môi trường và điều kiện làm việc thích hợp, và (iii) các nhà thầu và công nhân của họ quan sát các giao thức địa phương liên quan đến hành vi chấp nhận được đối với người dân địa phương.	Đang tuân thủ.	Xã hội
Khoản vay 2968	Chương 5	19	Bên vay phải đảm bảo rằng kế hoạch hành động về giới chuẩn bị cho dự án và được đồng ý từ ADB, được thực hiện đầy đủ một cách kịp thời, và có đủ nguồn lực được phân bổ cho mục đích này. Kế hoạch hành động về giới cho dự án đảm bảo rằng: (i) ít nhất 20% những người được đào tạo các vấn đề về quản lý khí sinh học và kỹ thuật là phụ nữ, (ii) ít nhất 20% những người được đào tạo và cấp giấy chứng nhận thợ xây dựng các công trình khí sinh học cỡ nhỏ là phụ nữ và ít nhất 80% trong số họ tìm được việc làm (iii) ít nhất 50% những người được đào tạo về việc sử dụng công nghệ khí sinh học, vận hành và bảo dưỡng là phụ nữ, (iv) ít nhất 50% những người được đào tạo về quản lý nông trại và quản lý chất thải là phụ nữ (v) ít nhất 30% công nhân được đào tạo về công trình khí sinh học cỡ vừa và lớn là phụ nữ, (vi) ít nhất 50% những người nhận khoản vay phụ từ các ĐCTC sẽ đăng ký đứng tên cả vợ và chồng hoặc phụ nữ đứng tên, (vii) ít nhất 50% những bản đăng ký chính thức mua sắm các hạng mục liên quan đến công trình khí sinh học thuộc dự án sẽ đứng tên cả vợ và chồng hoặc đứng tên người phụ nữ, (viii) 30% các đề tài nghiên cứu được thực hiện dưới phần 3, đoạn 2 của Phụ lục 1 Hiệp định vay này liên quan đến vấn đề giới kết hợp với công trình khí sinh học, (ix) ít nhất 40% trong số được chọn là những người giỏi nhất trong nghiên cứu và phổ biến các công nghệ CSAWMP là phụ nữ; (x) các tài liệu tập huấn về công nghệ và phương pháp phổ biến CSAWMP sẽ ưu tiên về giới và ít nhất 50% các sự kiện phổ biến và tham khảo ý kiến sẽ liên quan đến các nhóm chỉ có phụ nữ, (xi) một cơ sở dữ liệu về dân tộc thiểu số và phân biệt giới được thành lập như là một phần của việc thực hiện dự án và hệ thống giám sát được thiết lập bởi CPMU; (xii) 30% nhân viên của CPMU và PPMU là phụ nữ và CPMU và mỗi PPMU có một điểm đầu mối về giới; và (xiii) chỉ	Đang tuân thủ.	Xã hội
Khoản vay 2968	Chương 5	20	Bên vay phải đảm bảo rằng trong tất cả các tỉnh dự án, phổ biến thông tin, giáo dục và các hoạt động truyền thông đại chúng được thực hiện một cách kịp thời để thúc đẩy việc nhân rộng ứng dụng và sử dụng công nghệ biogas.	Đang tiến hành.	Xã hội
Khoản vay 2968	Chương 5	21	21. Bên vay phải đảm bảo hoặc đôn đốc các ĐCTC để đảm bảo rằng không có tiền của khoản vay nào được sử dụng để tài trợ cho bất kỳ hoạt động nào bao gồm cả trong danh sách bị cấm hoạt động đầu tư quy định tại Phụ lục 5 của Báo cáo chính sách an toàn.	Đang tuân thủ.	Khác

Khoản vay	Chương	Số	Nội dung	Ghi chú	Loại
Khoản vay 2968	Chương 5	22	Bên vay phải thực hiện theo quy định và đôn đốc các Cơ quan chủ quản dự án, TSU, mỗi IA và mỗi ĐCTC tuân thủ các chính sách chống tham nhũng của ADB (1998, được sửa đổi đến nay). Bên vay: (i) thừa nhận rằng ADB bảo vệ quyền điều tra trực tiếp, hoặc thông qua các văn phòng, bất kỳ bị cáo buộc tham nhũng, gian lận, thực hành cấu kết liên quan đến dự án, và (ii) đồng ý hợp tác với, và đôn đốc Cơ quan chủ quản, TSU, mỗi IA và mỗi ĐCTC hợp tác đầy đủ với các cuộc điều tra và mở rộng tới các hỗ trợ cần thiết, bao gồm cả việc cung cấp quyền truy cập vào tất cả các sách và các hồ sơ có liên quan, có thể cần thiết để hoàn thành thỏa đáng điều tra đó và sẽ cho phép, và đôn đốc Cơ quan chủ quản dự án, TSU, mỗi IA và mỗi ĐCTC để cho phép, ADB để điều tra hành vi vi phạm hoặc vi phạm tiềm năng của các chủ trương.	Đang tuân thủ.	Khác
Khoản vay 2968	Chương 5	23	Không giới hạn tính tổng quát của các khoản trên, Bên vay phải: (i) đảm bảo rằng Cơ quan chủ quản dự án và mỗi IA tiến hành kiểm tra định kỳ về hoạt động của nhà thầu liên quan đến rút tiền tài trợ và các khu định cư, và (ii) đảm bảo và đôn đốc Cơ quan chủ quản dự án và mỗi IA để đảm bảo rằng tất cả các hợp đồng tài trợ của ADB trong kết nối với dự án bao gồm các điều khoản quy định cụ thể quyền của ADB để kiểm toán và kiểm tra các hồ sơ và tài khoản của các nhà thầu, nhà cung cấp, tư vấn, và các nhà cung cấp dịch vụ khác có liên quan đến dự án.	Đang tuân thủ.	Khác
Khoản vay 2968	Chương 5	24	Nếu Bên vay hoặc ADB là hoặc nhận thức hoặc có một sự nghi ngờ hợp lý rằng bất kỳ thành viên nào của Cơ quan chủ quản Dự án, TSU, bất kỳ IA hoặc ĐCTC đã tham gia thực hiện tham nhũng hoặc gian lận (như được định nghĩa trong chính sách chống tham nhũng của ADB (1998 như sửa đổi cho đến nay)) dưới hoặc trong kết nối với dự án hoặc vốn vay, Bên vay sẽ có những hành động kịp thời và thỏa đáng cho ADB để điều tra và / hoặc khắc phục tình hình, kể cả trong trường hợp hành vi tham nhũng hoặc gian lận của một ĐCTC, yêu cầu trả nợ ngay lập tức hoặc nếu không phục hồi bất kỳ phần nào của các khoản vay phụ liên quan, trả nợ, phục hồi được thanh toán kịp thời với ADB để trả lại vốn vay. Nếu Bên vay không thực hiện hành động điều tra và / hoặc khắc phục hậu quả sự hài lòng của ADB, ADB có thể tuyên bố các ĐCTC có liên quan không đủ điều kiện, vĩnh viễn hoặc trong một thời gian quy định, được xem xét như là một nhà cung cấp tài chính trung gian hoặc bất kỳ công cụ tài chính nào khác cho các dự án tương lai của ADB.	Đang tuân thủ.	Khác

Khoản vay	Chương	Kho số	Nội dung	Ghi chú	Loại
Khoản vay 2968	Chương 5	25	25. Ngoài các yêu cầu này, để ngăn chặn tham nhũng và tăng tính minh bạch, Bên vay có trách nhiệm tạo một trang web dự án trong vòng 5 tháng kể từ ngày có hiệu lực, có thể truy cập bởi công chúng, để đưa những thông tin khác nhau liên quan đến dự án bao gồm thông tin chung về dự án, mua sắm công liên quan đến dự án, tiến độ dự án và các chi tiết liên lạc bằng tiếng Anh và tiếng Việt. Trang web cũng sẽ cung cấp một liên kết đến ADB's Integrity Unit (http://www.adb.org/Integrity/complaint.asp) để báo cáo bất kỳ khiếu nại hoặc tố cáo các hành vi tham nhũng phát sinh từ các hoạt động của dự án. Mỗi hợp đồng, trang web bao gồm các thông tin, danh sách nhà thầu tham gia, tên của đơn vị trúng thầu, chi tiết cơ bản về thủ tục đấu thầu thông qua, số lượng hợp đồng trao giải thưởng, và danh sách hàng hoá / dịch vụ, bao gồm cả dịch vụ tư vấn, mua sắm. Bên vay phải đôn đốc Cơ quan Chủ quản Dự án để cho phép bất kỳ nhà thầu nào yêu cầu giải thích lý do tại sao không thành công và hoặc Cơ quan Chủ quản Dự án phải trả lời trong vòng 20 ngày làm việc. Trang web này sẽ được cập nhật kịp thời và thường xuyên sau mỗi hợp đồng được trao thầu (i) mỗi giải thưởng của hợp đồng, (ii) nộp Báo cáo giám sát môi trường hàng năm cho ADB. Ngoài việc đưa trên web, các bên liên quan, bao gồm các tổ chức xã hội dân sự và các tổ chức phi chính phủ, được cung cấp bởi Bên vay với thông tin chi tiết về mua sắm trên các bảng thông báo công khai trong các vùng tương	Đang tuân thủ.	Khác
Khoản vay 2968	Chương 5	26	26. Bên vay có trách nhiệm và chịu trách nhiệm đảm bảo rằng Cơ quan Chủ quản Dự án, mỗi IA và mỗi ĐCTC tuân theo: (i) chính sách của ADB liên quan đến Tăng cường Vai trò của Ngân hàng Phát triển châu Á trong việc chống rửa tiền và tài trợ của khủng bố (2003); và (ii) pháp luật và quy định của Bên vay về chống rửa tiền và tài trợ khủng bố và vốn vay không được sử dụng trực tiếp hoặc gián tiếp, trong hoạt động rửa tiền hoặc tài trợ khủng bố.	Đang tuân thủ.	Khác
Khoản vay 2968	Chương 5	27	Bên vay phải đảm bảo rằng mỗi ĐCTC lập và thực hiện các thủ tục kiểm soát nội bộ, bao gồm cả thủ tục thẩm định khách hàng, để ngăn chặn hành vi vi phạm trên đoạn 26.	Đang tuân thủ.	Khác
Khoản vay 2968	Chương 5	28	28. Bên vay phải đảm bảo mỗi ĐCTC kịp thời thông báo cho Bên vay và ADB nếu có bất kỳ vi phạm hoặc vi phạm tiềm năng trên đoạn 26. Trong trường hợp mà ADB thông báo một ĐCTC quan ngại của mình rằng đã có một hành động bị cáo buộc là vi phạm như vậy, thì ĐCTC có trách nhiệm: (i) hợp tác trung thực cao với ADB và các đại diện của ADB để ADB có thể xác định hành vi vi phạm như vậy đã xảy ra, (ii) đáp ứng kịp thời và chi tiết hợp lý cho bất kỳ truy vấn từ ADB, và (iii) cung cấp hỗ trợ tài liệu để đáp ứng theo yêu cầu của ADB.	Đang tuân thủ.	Khác

Cập nhật kế hoạch phát triển dân tộc thiểu số

(Tính đến ngày 28/2/2019)

TT	Hoạt động	Tình trạng	Kết quả																
1	Quản lý chất thải chăn nuôi																		
1.1	Quản lý chuỗi giá trị công trình KSH																		
1.1.1	Bản đồ thống kê DTTS trong các tỉnh tham gia điều tra, sinh kế của người DTTS và liên kết tiềm năng tới chuỗi giá trị công trình KSH. .	Đang triển khai	<p><u>Đến cuối ngày 28 tháng 2 năm 2019</u> CSDL bể KSH của gói 13, với dữ liệu tách riêng cho DTTS, đã được triển khai và cập nhật với 44,006 bể KSH trong toàn dự án. Trong đó 25,918 bể KSH từ 6 tỉnh có DTTS:</p> <table border="1" style="margin-left: 20px;"> <thead> <tr> <th style="text-align: center;">Tỉnh</th> <th style="text-align: center;">Số lượng của dân tộc thiểu số</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Lào Cai</td> <td style="text-align: center;">2,192</td> </tr> <tr> <td>Sơn La</td> <td style="text-align: center;">2,231</td> </tr> <tr> <td>Phú Thọ</td> <td style="text-align: center;">8,899</td> </tr> <tr> <td>Bắc Giang</td> <td style="text-align: center;">4,643</td> </tr> <tr> <td>Bình Định</td> <td style="text-align: center;">5,283</td> </tr> <tr> <td>Sóc Trăng</td> <td style="text-align: center;">2,670</td> </tr> <tr> <td>Total</td> <td style="text-align: center;">25,918</td> </tr> </tbody> </table>	Tỉnh	Số lượng của dân tộc thiểu số	Lào Cai	2,192	Sơn La	2,231	Phú Thọ	8,899	Bắc Giang	4,643	Bình Định	5,283	Sóc Trăng	2,670	Total	25,918
Tỉnh	Số lượng của dân tộc thiểu số																		
Lào Cai	2,192																		
Sơn La	2,231																		
Phú Thọ	8,899																		
Bắc Giang	4,643																		
Bình Định	5,283																		
Sóc Trăng	2,670																		
Total	25,918																		
1.1.2	Đánh giá nguồn lực và khó khăn đối với DTTS trong xây dựng Công trình KSH	Đang triển khai	<p>Đánh giá trong giai đoạn thực hiện đã được thực hiện ban đầu thôn qua việc tham vấn với các tỉnh trong tháng 11 năm 2016.</p> <p>Đánh giá lần 2 vào tháng 5/2017: LIC đã soạn thảo các mẫu đánh giá, CPMU đã gửi thư đến các tỉnh DTTS và nhận được phản hồi từ một số tỉnh.</p> <p>Đánh giá các nguồn lực và khó khăn cho người DTTS để xây dựng bể khí sinh học đã được thực hiện bởi LIC trong khóa đào tạo về Giới và DTTS ở Thái Nguyên cho cán bộ từ 4 tỉnh..</p>																
1.1.3	Xây dựng công trình KSH quy mô nhỏ cho người DTTS	Đang triển khai	<p><u>Đến cuối ngày 28 tháng 2 năm 2019:</u></p> <p>Chỉ tính riêng 6 tỉnh có DTTS, có 38.272 bể khí sinh học nhỏ được xây dựng, trong đó có 5,534 hộ gia đình dân tộc thiểu số (chiếm 14.5% tại 06 tỉnh được chọn).</p> <p>Tại 10 tỉnh, Dự án đã xây dựng 58,380 Công trình khí sinh học nhỏ, trong đó có 5,535 công trình cho các hộ dân tộc thiểu số (chiếm 9.5% tổng số công trình khí sinh học nhỏ tại 10 tỉnh dự án (Bến Tre có 01 hộ dân tộc).</p>																

TT	Hoạt động	Tình trạng	Kết quả
1.1.4	Tổ chức chia sẻ lợi ích của chuỗi giá trị công trình KSH từ người làm chủ công trình KSH cho cộng đồng DTTS	Đang triển khai	Dự án đã tổ chức nhiều hoạt động truyền thông để phổ biến thông tin về dự án bao gồm cả đề xuất chia sẻ lợi ích từ chuỗi giá trị KSH (năng lượng và phân hữu cơ) từ các chủ công trình KSH. <i>Tính đến 28/2/2019</i> , đã tiến hành phổ biến thông tin ở 6 tỉnh có DTTS bao gồm:
			- 855 hội nghị hội thảo tuyên truyền
			- 161 lượt truyền hình
			- 4,513 lượt phát thanh
			- 351 bài báo
			- 11,374 bảng tin
			- 69,000 poster
			- 352,720 tờ rơi
- 34 video clip			
1.1.5	Giám sát quản lý chuỗi giá trị công trình KSH trong cộng đồng DTTS	Đang triển khai	<i>Tính đến 28/2/2019</i> : Toàn bộ 10 tỉnh đã xây dựng 58,380 hầm KHS nhỏ, gồm 5,535 hầm cho DTTS, đều đã được giám sát và cung cấp hỗ trợ kỹ thuật về quản lý chuỗi giá trị KSH của dự án.
1.2 Tiếp cận thị trường các bon			
1.2.1	Đánh giá các khoản đầu tư hướng tới DTTS có thể liên quan tới việc phát thải khí carbon	Đang triển khai	Tất các cơ sở dữ liệu về hầm KSH của người DTTS sẽ cung cấp cho Chương trình KSH Quốc gia để hỗ trợ cho chương trình tín dụng các bon
			<i>Số liệu lũy kế đến 28/2/2019</i> , Dự án đã cung cấp 58,380 hầm khí sinh học, trong đó 5,535 hầm khí sinh học được xây dựng cho DTTS ở 6 tỉnh có DTTS (chiếm 9.5% tổng số hầm khí sinh học ở 10 tỉnh dự án).
1.2.2	Đào tạo các DTTS về thực hành CSAWMP có liên quan tới thị trường khí carbon	Đang triển khai	<i>Số liệu lũy kế đến 28/2/2019</i> : 23,317 người thuộc 10 tỉnh dự án đã được tập huấn về CSAWMP, trong đó có 3,874 người dân tộc thiểu số, chiếm 16.6%. <i>Chỉ tính riêng 6 tỉnh có DTTS, số lượng người DTTS được đào tạo chiếm 28.36% (3,874/13,660)</i>
1.2.3	Đánh giá các Định chế tài chính phù hợp cho DTTS tiếp cận tín dụng		Ngân hàng chính sách xã hội được đề xuất bổ sung vào các định chế tài chính của dự án tuy nhiên quá trình thương thảo chưa đạt được.

TT	Hoạt động	Tình trạng	Kết quả
1.3	Duy trì bền vững chuỗi giá trị KSH		
1.3.1	Đào tạo DTTS quản lý chăn nuôi và chất thải	Đang triển khai	Dự án cung cấp các khóa đào tạo về vận hành hầm KSH và CSAWMP cho người tham gia quản lý chăn nuôi và chất thải chăn nuôi.
1.3.1(a)	Đào tạo về CSAWMP:	Đang triển khai	<u>Số liệu lũy kế đến 28/2/2019</u> : 23,317 người của cả dự án đã được tập huấn về CSAWMP, trong đó có 3,874 người dân tộc thiểu số, chiếm 16.6%. <u>Chỉ tính riêng 6 tỉnh có DTTS (Sơn La, Lào Cai, Bắc Giang, Phú Thọ, Bình Định và Sóc Trăng)</u> , số lượng người DTTS được đào tạo chiếm 28.36% (3,874/13,660)
1.3.2(b)	Đào tạo về sử dụng KSH quy mô nhỏ là DTTS	Đang triển khai	<u>Tính đến 28/2/2019</u> , trong số 37,503 người được đào tạo tại 06 tỉnh có đồng bào dân tộc thiểu số và trong số 61,925 người thuộc dự án, 5,132 người dân tộc thiểu số đã được tập huấn về sử dụng các công trình khí sinh học nhỏ, chiếm 13.7% and 8.3% tương ứng.
1.3.2(c)	Hướng dẫn vận hành tại nhà (trong quá trình KTV đi nghiệm thu, kiểm tra)	Đang triển khai	<u>Tính đến 28/2/2019</u> , trong số 24,051 người được đào tạo tại 06 tỉnh có đồng bào dân tộc thiểu số và trong số 46,335 người tham gia dự án, 4,431 người dân tộc thiểu số đã được tập huấn về vận hành các công trình khí sinh học nhỏ, chiếm tương ứng 18.4% and 9.6%.
1.3.3	Tạo điều kiện để DTTS tiếp cận tín dụng	Đang triển khai	Tính đến ngày 28 tháng 2 năm 2019, số lũy kế hộ được tiếp cận tín dụng là 411, bao gồm 92 hộ DTTS chiếm 22 %. Lý do thay đổi lớn trong dữ liệu đã được làm rõ bởi bên Tư vấn là các số liệu trong nhiệm vụ trước là mục tiêu không thực hiện thực tế.
2	Chuyển giao công nghệ CSAWMP		
2.1	Phát triển CSAWMP		
2.1.1	Đảm bảo rằng các vùng DTTS có trong hệ thống bản đồ khí hậu nông nghiệp	Đang triển khai	Việc đưa các khu vực DTTS vào bản đồ khí hậu nông nghiệp chi tiết của dự án đang được triển khai Hiện nay, bản đồ đã được chuẩn bị theo gói 19 và đã được kí vào ngày 11 tháng 4 năm 2016. 6 tỉnh có DTTS đã được cập nhật vào bản đồ.
2.1.2	Phổ biến kiến thức về CSAWMP thông qua thư viện điện tử để nâng cao kỹ năng và kiến thức cho DTTS	Đang triển khai	Gói thầu được ký hợp đồng vào ngày 11/4/2017. Nhà thầu đang làm việc với các bên liên quan theo ĐKTC. Thiết bị sẽ được mua sau khi thiết kế được hoàn thiện.

TT	Hoạt động	Tình trạng	Kết quả
2.1.3	Đảm bảo phân bón hữu cơ được sử dụng tại vùng DTTS	Đang triển khai	Tất cả người DTTS tham gia dự án được trang bị kiến thức về sản xuất phân hữu cơ từ bùn thải KSH và sử dụng phân bón hữu cơ. Ngoài ra việc sử dụng phân bón hữu cơ ở vùng DTTS sẽ được lồng ghép vào các gói trình diễn hoặc nghiên cứu liên quan đến sản xuất phân hữu cơ. Người DTTS đã tham gia vào các khóa đào tạo về quản lý chất thải chăn nuôi do CPMU và các PPMU tổ chức. Người DTTS cũng được đi tham quan các mô hình trình diễn và nghiên cứu của dự án. Tháng 12/2017, 2 mô hình trình diễn về máy tách phân đã được triển khai ở 9 trên 10 tỉnh (ngoại trừ Lào Cai). 1 gói thầu máy phát điện đã được triển khai ở Lào Cai, Bến Tre, Tiền Giang và Sóc Trăng. 1 gói thầu sử dụng bùn thải KSH đã được triển khai ở Bình Định và Sóc Trăng.
2.1.4	Đảm bảo DTTS nằm trong nhóm cộng đồng thực hiện quản lý chất thải chăn nuôi.	Đang triển khai	Tính đến 28/2/2019, người DTTS đã tham gia vào các khóa đào tạo về quản lý chất thải chăn nuôi do CPMU và các PPMU tổ chức.
2.1.5	Khuyến khích ít nhất 30 % số người tham gia thúc đẩy CSAWMP thuộc các DTTS là phụ nữ	Đang triển khai	Dự án đã đào tạo cho 21,983 nông dân về CSAWMP, bao gồm 3,685 người DTTS (17%). Tính đến 28/2/2019, Dự án đã đào tạo được 1,334 cán bộ khuyến nông về CSAWMP, trong đó có 189 người DTTS (14.2%). Trong số 189 cán bộ khuyến nông DTTS được đào tạo, có 124 nữ, chiếm 66%.
2.2	Mô hình CSAWMP Models/ Chuyển giao phát triển công nghệ		
2.2.1	Đảm bảo rằng các nhà nghiên cứu và cán bộ khuyến nông đào tạo đúng theo tiến độ và tài liệu về CSAWMP đối với DTTS	Đang triển khai	Tính đến ngày 28 tháng 2 năm 2019, 6 tỉnh có người DTTS đã đào tạo cho 705 cán bộ khuyến nông, bao gồm 189 nhân viên người DTTS, (26.81%).
2.2.3	Phổ biến kỹ năng và kiến thức về CSAWMP cho những người chủ công trình KSH và những người nông dân trong vùng DTTS	Đang triển khai	Dự án đã đào tạo cho 21,983 nông dân về CSAWMP, trong đó có 3,685 người DTTS (17%).
2.3	Mô hình Chuỗi giá trị công trình KSH		
2.3.1	Đánh giá mức độ dư thừa khí sinh học, điện, phụ phẩm sinh học đối với DTTS	Đang triển khai	Các tỉnh đã đánh giá thường xuyên về việc sử dụng khí thừa cho máy phát điện và sử dụng bùn thải KSH cho cây trồng. Phần lớn các hộ có bể KSH đã sử dụng khí thừa và bùn thải KSH. Ngoài ra, hoạt động này cũng sẽ được thực hiện trong các gói nghiên cứu

TT	Hoạt động	Tình trạng	Kết quả
2.3.2	Quản lý khí, điện và phân bón hữu cơ từ công trình KSH cho các DTTS	Đang triển khai	<p>100% DTTS được đào tạo và hướng dẫn về việc sử dụng hết khí ga, điện năng và phân hữu cơ từ hầm KSH. Dựa trên kết quả khảo sát dữ liệu cơ sở năm 2016 và các chuyến thăm thực địa của Chuyên gia Tư vấn Môi trường của LIC, các hộ tham gia dự án sử dụng chất thải sau KSH làm phân hữu cơ tưới cây cho vườn và trang trại của mình; hoặc chia sẻ với các hộ dân xung quanh. Về mặt quản lý khí ga, khí ga được dùng để nấu ăn, làm nóng nước, làm ấm chuồng gia súc hoặc chia sẻ với hàng xóm. Trong trường hợp thừa khí ga chủ hầm KSH đã đốt chúng chứ không xả trực tiếp ra môi trường.</p> <p>Tính đến 28/2/2019, trong số 37,503 người được đào tạo tại 06 tỉnh có đồng bào dân tộc thiểu số và trong số 61,925 người thuộc dự án, 5,132 người dân tộc thiểu số đã được tập huấn về vận hành các công trình khí sinh học nhỏ, chiếm 13.7% và 8.3%.</p>
3	Quản lý dự án		
3.1	Thiết lập các chỉ số hướng mục tiêu tới các DTTS trên địa bàn tỉnh	Chưa tới hạn	Tư vấn Giới và DTTS sẽ thực hiện nhiệm vụ này.
3.2	Đảm bảo cán bộ chịu trách nhiệm về chính sách an toàn đưa vào hoạt động hỗ trợ người DTTS vào kế hoạch làm việc của họ	Đang triển khai	<p>(i) Tư vấn Giới và DTTS đã tiến hành một khóa đào tạo cho cán bộ đầu mối về giới và cán bộ kỹ thuật về vấn đề lồng ghép giới và DTTS và huy động người DTTS vào các hoạt động của dự án trong tháng 6/2017 ở Thái Nguyên. Từ tháng 6 đến tháng 12 năm 2017, 2 khóa đào tạo được tổ chức ở Cần Thơ và 1 khóa ở Quy Nhơn về vấn đề Giới và DTTS. Các giảng viên đã hướng dẫn các cán bộ về chính sách an toàn của các tỉnh có DTTS cách chuẩn bị KH quý và KH năm để hỗ trợ người DTTS.</p> <p>(ii) Gửi KHPT DTTS cho tất cả các tỉnh</p> <p>(iii) Xem xét các hoạt động trong KHPT DTTS và đưa ra hướng dẫn cho các tỉnh</p> <p>(iv) Xây dựng công cụ đánh giá để đánh giá những khó khăn mà DTTS gặp phải khi tiếp cận với công trình KSH và tín dụng</p> <p>6 tỉnh có DTTS đã gửi báo cáo cho CPMU và LIC về kết quả đánh giá việc triển khai KHPT DTTS cũng như kế hoạch lồng ghép giới và DTTS. Đầu ra của các kế hoạch này đã được đưa vào trong báo cáo giám sát nội bộ.</p>
3.3	Đảm bảo các định chế tài chính hỗ trợ DTTS	Đang triển khai	Tính đến 28/2/2019, số liệu cộng dồn các hộ được tiếp cận với tín dụng là 411, trong đó có 92 hộ DTTS chiếm 22 %.

Phụ lục 17:

BẢNG GIÁM SÁT KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG GIỚI (GAP) CẬP NHẬT

Dự án: Khoản vay 2968-VIE: Dự án Hỗ trợ nông nghiệp Carbon thấp

Ngày cập nhật: 28/02/2019

Kết quả Dự án	Mục tiêu / hành động được đề xuất	Tiến độ	Các vấn đề/thách thức																																																				
<p>1. Cơ sở hạ tầng quản lý chất thải chăn nuôi mở rộng</p>	<p>1• T1: Ít nhất 20% số người được đào tạo về quản lý KSH và các vấn đề kỹ thuật là phụ nữ</p>	<p>• Đang thực hiện/đã đạt được: Dự án đã tổ chức các khóa đào tạo cho đội ngũ kỹ thuật viên về quản lý và kỹ thuật khí sinh học (KSH). Trong số 1.268 người tham gia có 297 phụ nữ (23,4%).</p> <table border="1" data-bbox="676 572 1416 1032"> <thead> <tr> <th></th> <th>Tổng</th> <th>Nữ</th> <th>% phụ nữ</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>CPMU</td> <td>710</td> <td>182</td> <td>25.6</td> </tr> <tr> <td>Lao Cai</td> <td>27</td> <td>7</td> <td>25.9</td> </tr> <tr> <td>Son La</td> <td>75</td> <td>11</td> <td>14.7</td> </tr> <tr> <td>Phu Tho</td> <td>127</td> <td>45</td> <td>35.4</td> </tr> <tr> <td>Bac Giang</td> <td>43</td> <td>11</td> <td>25.6</td> </tr> <tr> <td>Nam Dinh</td> <td>70</td> <td>13</td> <td>18.6</td> </tr> <tr> <td>Ha Tinh</td> <td>56</td> <td>14</td> <td>25.0</td> </tr> <tr> <td>Binh Dinh</td> <td>62</td> <td>8</td> <td>12.9</td> </tr> <tr> <td>Tien Giang</td> <td>25</td> <td>4</td> <td>16.0</td> </tr> <tr> <td>Ben Tre</td> <td>9</td> <td>1</td> <td>11.1</td> </tr> <tr> <td>Soc Trang</td> <td>73</td> <td>1</td> <td>1.4</td> </tr> <tr> <td>Tổng</td> <td>1.268</td> <td>297</td> <td>23,4</td> </tr> </tbody> </table>		Tổng	Nữ	% phụ nữ	CPMU	710	182	25.6	Lao Cai	27	7	25.9	Son La	75	11	14.7	Phu Tho	127	45	35.4	Bac Giang	43	11	25.6	Nam Dinh	70	13	18.6	Ha Tinh	56	14	25.0	Binh Dinh	62	8	12.9	Tien Giang	25	4	16.0	Ben Tre	9	1	11.1	Soc Trang	73	1	1.4	Tổng	1.268	297	23,4	
	Tổng	Nữ	% phụ nữ																																																				
CPMU	710	182	25.6																																																				
Lao Cai	27	7	25.9																																																				
Son La	75	11	14.7																																																				
Phu Tho	127	45	35.4																																																				
Bac Giang	43	11	25.6																																																				
Nam Dinh	70	13	18.6																																																				
Ha Tinh	56	14	25.0																																																				
Binh Dinh	62	8	12.9																																																				
Tien Giang	25	4	16.0																																																				
Ben Tre	9	1	11.1																																																				
Soc Trang	73	1	1.4																																																				
Tổng	1.268	297	23,4																																																				

Kết quả Dự án	Mục tiêu / hành động được đề xuất	Tiến độ	Các vấn đề/thách thức																																																																																																				
	<p>2• T2. Ít nhất 50% số người dùng được đào tạo về sử dụng hầm KSH là phụ nữ</p>	<p>• Đang thực hiện/ đã đạt được:: Dự án đã tổ chức đào tạo tập trung và đào tạo tại nhà về sử dụng KSH cho 110.346 người tham gia, gồm 56.979 người là phụ nữ (51.6%)¹</p> <table border="1" data-bbox="676 323 1586 966"> <thead> <tr> <th rowspan="2">Provinces</th> <th rowspan="2">Total</th> <th rowspan="2">Women</th> <th rowspan="2">% Women</th> <th colspan="2">Centralized trainings</th> <th colspan="2">At home</th> </tr> <tr> <th>Total</th> <th>Women</th> <th>Total</th> <th>Women</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Lao Cai</td> <td>8,454</td> <td>4,392</td> <td>52.0</td> <td>4,873</td> <td>3,267</td> <td>3,581</td> <td>1,125</td> </tr> <tr> <td>Son La</td> <td>2,746</td> <td>943</td> <td>34.3</td> <td>514</td> <td>158</td> <td>2,232</td> <td>785</td> </tr> <tr> <td>Phu Tho</td> <td>19,515</td> <td>10,762</td> <td>55.1</td> <td>8,679</td> <td>5,985</td> <td>10,836</td> <td>4,777</td> </tr> <tr> <td>Bac Giang</td> <td>17,687</td> <td>8,737</td> <td>49.4</td> <td>8,848</td> <td>6,300</td> <td>8,839</td> <td>2,437</td> </tr> <tr> <td>Nam Dinh</td> <td>11,351</td> <td>6,243</td> <td>55.0</td> <td>5,868</td> <td>3,900</td> <td>5,483</td> <td>2,343</td> </tr> <tr> <td>Ha Tinh</td> <td>12,818</td> <td>7,993</td> <td>62.4</td> <td>4,561</td> <td>3,979</td> <td>8,257</td> <td>4,014</td> </tr> <tr> <td>Binh Dinh</td> <td>8,845</td> <td>4,088</td> <td>46.2</td> <td>209</td> <td>117</td> <td>8,636</td> <td>3,971</td> </tr> <tr> <td>Tien Giang</td> <td>7,647</td> <td>5,221</td> <td>68.3</td> <td>3,866</td> <td>3,067</td> <td>3,781</td> <td>2,154</td> </tr> <tr> <td>Ben Tre</td> <td>14,890</td> <td>6,223</td> <td>41.8</td> <td>7,989</td> <td>4,143</td> <td>6,901</td> <td>2,080</td> </tr> <tr> <td>Soc Trang</td> <td>6,393</td> <td>2,377</td> <td>37.2</td> <td>3,014</td> <td>1,517</td> <td>3,379</td> <td>860</td> </tr> <tr> <td>Total</td> <td>110,346</td> <td>56,979</td> <td>51.6</td> <td>48,421</td> <td>32,433</td> <td>61,9255</td> <td>24,546</td> </tr> </tbody> </table>	Provinces	Total	Women	% Women	Centralized trainings		At home		Total	Women	Total	Women	Lao Cai	8,454	4,392	52.0	4,873	3,267	3,581	1,125	Son La	2,746	943	34.3	514	158	2,232	785	Phu Tho	19,515	10,762	55.1	8,679	5,985	10,836	4,777	Bac Giang	17,687	8,737	49.4	8,848	6,300	8,839	2,437	Nam Dinh	11,351	6,243	55.0	5,868	3,900	5,483	2,343	Ha Tinh	12,818	7,993	62.4	4,561	3,979	8,257	4,014	Binh Dinh	8,845	4,088	46.2	209	117	8,636	3,971	Tien Giang	7,647	5,221	68.3	3,866	3,067	3,781	2,154	Ben Tre	14,890	6,223	41.8	7,989	4,143	6,901	2,080	Soc Trang	6,393	2,377	37.2	3,014	1,517	3,379	860	Total	110,346	56,979	51.6	48,421	32,433	61,9255	24,546	
Provinces	Total	Women					% Women	Centralized trainings		At home																																																																																													
			Total	Women	Total	Women																																																																																																	
Lao Cai	8,454	4,392	52.0	4,873	3,267	3,581	1,125																																																																																																
Son La	2,746	943	34.3	514	158	2,232	785																																																																																																
Phu Tho	19,515	10,762	55.1	8,679	5,985	10,836	4,777																																																																																																
Bac Giang	17,687	8,737	49.4	8,848	6,300	8,839	2,437																																																																																																
Nam Dinh	11,351	6,243	55.0	5,868	3,900	5,483	2,343																																																																																																
Ha Tinh	12,818	7,993	62.4	4,561	3,979	8,257	4,014																																																																																																
Binh Dinh	8,845	4,088	46.2	209	117	8,636	3,971																																																																																																
Tien Giang	7,647	5,221	68.3	3,866	3,067	3,781	2,154																																																																																																
Ben Tre	14,890	6,223	41.8	7,989	4,143	6,901	2,080																																																																																																
Soc Trang	6,393	2,377	37.2	3,014	1,517	3,379	860																																																																																																
Total	110,346	56,979	51.6	48,421	32,433	61,9255	24,546																																																																																																

¹ ông Lam Soan, bà Triệu Thị Kum Mang và bà Trịnh Thị Thu Vân (thôn Bồ Liên 2, xã Thuận Hưng, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng), các hộ này được hỗ trợ 3 triệu VND để xây SBP và đã tham gia tập huấn sử dụng biogas và quản lý chất thải ở xã và tại nhà. Theo họ, trước khi xây dựng hầm KSH, môi trường khu vực này rất ô nhiễm, do phân bò trực tiếp thải vào kênh mương. Từ khi xây dựng hầm KSH, môi trường tốt lên rất nhiều và họ sử dụng gas để đun nấu và tiết kiệm được tiền mua khí đốt. Bà Kum Mang vay 9 triệu VND từ Ngân hàng CSXH và trả lãi suất 90.000 VND/tháng. Bà Lê Thị Yến, thôn Dương Quế, xã Phước Trung, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang, hộ gia đình được hỗ trợ 5 triệu để xây dựng SBP (hộ có nữ làm chủ), bà được đào tạo về sử dụng khí sinh học tại nhà trong quá trình lắp đặt nhà thầu SBP.

Kết quả Dự án	Mục tiêu / hành động được đề xuất	Tiến độ	Các vấn đề/thách thức																																																				
	<p>3• Ít nhất 20% những người được đào tạo về xây dựng công trình khí sinh học (KSH) cỡ nhỏ là nữ Được điều chỉnh thành 7% trong Đợt Đánh giá giữa kỳ (ĐGGK)</p>	<p>• Đang thực hiện/đạt được một phần: CPMU và PPMU đã tiến hành các khóa tập huấn xây dựng các công trình khí sinh học nhỏ với 552 người tham gia bao gồm 28 phụ nữ (5,3%).</p> <table border="1" data-bbox="676 298 1375 731"> <thead> <tr> <th>CPMU/ PPMU</th> <th>Tổng</th> <th>Phụ nữ</th> <th>% Phụ nữ</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>CPMU</td> <td>126</td> <td>3</td> <td>2.4</td> </tr> <tr> <td>Lao Cai</td> <td>49</td> <td>4</td> <td>8.2</td> </tr> <tr> <td>Son La</td> <td>29</td> <td>-</td> <td>0.0</td> </tr> <tr> <td>Phu Tho</td> <td>70</td> <td>12</td> <td>17.1</td> </tr> <tr> <td>Bac Giang</td> <td>19</td> <td>1</td> <td>5.3</td> </tr> <tr> <td>Nam Dinh</td> <td>-</td> <td>-</td> <td>0.0</td> </tr> <tr> <td>Ha Tinh</td> <td>126</td> <td>3</td> <td>2.4</td> </tr> <tr> <td>Binh Dinh</td> <td>28</td> <td>-</td> <td>0.0</td> </tr> <tr> <td>Tien Giang</td> <td>34</td> <td>-</td> <td>0.0</td> </tr> <tr> <td>Ben Tre</td> <td>14</td> <td>5</td> <td>35.7</td> </tr> <tr> <td>Soc Trang</td> <td>57</td> <td>1</td> <td>1.8</td> </tr> <tr> <td>Total</td> <td>552</td> <td>28</td> <td>5.3</td> </tr> </tbody> </table>	CPMU/ PPMU	Tổng	Phụ nữ	% Phụ nữ	CPMU	126	3	2.4	Lao Cai	49	4	8.2	Son La	29	-	0.0	Phu Tho	70	12	17.1	Bac Giang	19	1	5.3	Nam Dinh	-	-	0.0	Ha Tinh	126	3	2.4	Binh Dinh	28	-	0.0	Tien Giang	34	-	0.0	Ben Tre	14	5	35.7	Soc Trang	57	1	1.8	Total	552	28	5.3	<p>- Thợ xây hầm KSH thường là các thợ chuyên nghiệp và lành nghề và được đào tạo chuyên sâu về hầm KSH. Đây là nghề đòi hỏi có tay nghề cao nhưng lại không toàn thời gian nên rất khó khăn cho phụ nữ để được đào tạo và trở thành thợ xây.</p>
CPMU/ PPMU	Tổng	Phụ nữ	% Phụ nữ																																																				
CPMU	126	3	2.4																																																				
Lao Cai	49	4	8.2																																																				
Son La	29	-	0.0																																																				
Phu Tho	70	12	17.1																																																				
Bac Giang	19	1	5.3																																																				
Nam Dinh	-	-	0.0																																																				
Ha Tinh	126	3	2.4																																																				
Binh Dinh	28	-	0.0																																																				
Tien Giang	34	-	0.0																																																				
Ben Tre	14	5	35.7																																																				
Soc Trang	57	1	1.8																																																				
Total	552	28	5.3																																																				
	<p>4• T4. Ít nhất 30% số người được đào tạo về MBP và LBP là nữ. (Được điều chỉnh thành 15% trong đợt ĐGGK)</p>	<p>• Đang thực hiện/ không đạt được: CPMU đã thực hiện các khóa đào tạo về xây dựng MBP và LBP cho 46 kỹ sư, nhà thầu và công nhân, trong đó có 4 phụ nữ (8,7%)</p>	<p>Số lượng các kỹ sư nữ và các đại diện của nhà thầu là ít, và do đó rất khó để đáp ứng mục tiêu đào tạo dự án với sự tham gia của phụ nữ</p>																																																				
<p>2. Các khoản tín dụng đầu tư cho cơ sở hạ tầng chuỗi giá trị KSH</p>	<p>5. T5. Ít nhất 50% người nhận tín dụng được đăng ký theo tài khoản chung của vợ và chồng hoặc đăng ký dưới tên của phụ nữ.</p>	<p>• Đang thực hiện/đã đạt được: Có 411 người vay tín dụng, và tất cả đã đăng ký theo tài khoản chung của vợ và chồng hoặc dưới tên của phụ nữ (100%).</p> <table border="1" data-bbox="676 1087 1428 1340"> <thead> <tr> <th>PPMU</th> <th>Tổng</th> <th>Chồng-Vợ hoặc phụ nữ</th> <th>% chồng-vợ hoặc phụ nữ</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Lào Cai</td> <td>127</td> <td>127</td> <td>100</td> </tr> <tr> <td>Phú Thọ</td> <td>8</td> <td>8</td> <td>100</td> </tr> <tr> <td>Bắc Giang</td> <td>187</td> <td>187</td> <td>100</td> </tr> <tr> <td>Bình Định</td> <td>71</td> <td>71</td> <td>100</td> </tr> <tr> <td>Tiền Giang</td> <td>18</td> <td>18</td> <td>100</td> </tr> <tr> <td>Total</td> <td>411</td> <td>411</td> <td>100</td> </tr> </tbody> </table>	PPMU	Tổng	Chồng-Vợ hoặc phụ nữ	% chồng-vợ hoặc phụ nữ	Lào Cai	127	127	100	Phú Thọ	8	8	100	Bắc Giang	187	187	100	Bình Định	71	71	100	Tiền Giang	18	18	100	Total	411	411	100	<p>Các hộ gia đình phải có giấy tờ được ủy quyền từ vợ / chồng của họ và được Ủy ban nhân dân xã chứng nhận để đăng ký các tài khoản dưới tên của họ.</p>																								
PPMU	Tổng	Chồng-Vợ hoặc phụ nữ	% chồng-vợ hoặc phụ nữ																																																				
Lào Cai	127	127	100																																																				
Phú Thọ	8	8	100																																																				
Bắc Giang	187	187	100																																																				
Bình Định	71	71	100																																																				
Tiền Giang	18	18	100																																																				
Total	411	411	100																																																				

Kết quả Dự án	Mục tiêu / hành động được đề xuất	Tiến độ	Các vấn đề/thách thức																												
	<p>6• T6. Hỗ trợ đăng ký chính thức toàn bộ các công trình KSH được cung cấp trong dự án. Ít nhất 50% công trình sẽ được đăng ký dưới tên chung của vợ và chồng hoặc dưới tên phụ nữ</p>	<p>• Đang thực hiện/đã đạt được: Có 411 người vay tín dụng, và tất cả đã đăng ký theo tài khoản chung của vợ và chồng hoặc dưới tên của phụ nữ (100%).</p> <table border="1" data-bbox="678 298 1443 555"> <thead> <tr> <th>PPMU</th> <th>Tổng g</th> <th>Chồng-Vợ hoặc phụ nữ</th> <th>% chồng-vợ hoặc phụ nữ</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Lào Cai</td> <td>127</td> <td>127</td> <td>100</td> </tr> <tr> <td>Phú Thọ</td> <td>8</td> <td>8</td> <td>100</td> </tr> <tr> <td>Bắc Giang</td> <td>187</td> <td>187</td> <td>100</td> </tr> <tr> <td>Bình Định</td> <td>71</td> <td>71</td> <td>100</td> </tr> <tr> <td>Tiền Giang</td> <td>18</td> <td>18</td> <td>100</td> </tr> <tr> <td>Total</td> <td>411</td> <td>411</td> <td>100</td> </tr> </tbody> </table>	PPMU	Tổng g	Chồng-Vợ hoặc phụ nữ	% chồng-vợ hoặc phụ nữ	Lào Cai	127	127	100	Phú Thọ	8	8	100	Bắc Giang	187	187	100	Bình Định	71	71	100	Tiền Giang	18	18	100	Total	411	411	100	.
PPMU	Tổng g	Chồng-Vợ hoặc phụ nữ	% chồng-vợ hoặc phụ nữ																												
Lào Cai	127	127	100																												
Phú Thọ	8	8	100																												
Bắc Giang	187	187	100																												
Bình Định	71	71	100																												
Tiền Giang	18	18	100																												
Total	411	411	100																												
<p>3.Tăng cường chuyển giao công nghệ CSAWMP</p>	<p>7• A1. Chiến lược nghiên cứu nhạy cảm về giới được chuẩn bị</p>	<p>• Đã đạt được:</p> <p>Chiến lược nghiên cứu chỉ đạo các hoạt động nghiên cứu về CSAWMP đã được xây dựng vào năm 2015. Chiến lược nghiên cứu này phân tích các công nghệ hiện có về chất thải nông nghiệp và phụ phẩm để giảm ô nhiễm môi trường và tạo thu nhập cho nông dân ở 10 tỉnh dự án² và các mô hình thí điểm và mô hình trình diễn chuỗi giá trị cho chất thải nông nghiệp.³</p>																													
	<p>8. A2. Các tài liệu đào tạo về công nghệ CSAWMP và cách thức tuyên truyền phải thân thiện với phụ nữ (tránh những định kiến</p>	<p>Đã đạt được: Các tài liệu đào tạo về công nghệ CSAWMP sử dụng hình ảnh và các dẫn chứng thích hợp vì vậy phụ nữ có thể hiểu và áp dụng dễ dàng vào thực tế⁴.</p>																													

2 Phần 3.2.1. Bán nhiên liệu trấu và bếp đun cải tiến (trang 11)

3 Phần 5.1: Mô hình liên quan đến công nghệ khí sinh học: cần khắc phục các hạn chế trong xử lý môi trường và 5.4: Sử dụng máy nén phân bón để xử lý môi trường chăn nuôi và thu gom chất thải chăn nuôi để sản xuất phân hữu cơ sinh học (trang 18). Phỏng vấn Bà Nguyễn Thị Anh - Trưởng phòng chăn nuôi Thực Anh - xã Hà Thanh, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ. Hộ gia đình chị tham gia gói thầu 32 về cung cấp hệ thống phân chuồng để xử lý chất thải chăn nuôi để sản xuất nguyên liệu cho phân bón hữu cơ và dự án hỗ trợ hệ thống tưới tiêu tự động. Mô hình này đã tiết kiệm thời gian trong việc lấy nước và bảo vệ môi trường cũng như sức khỏe của gia đình và người lao động.

⁴ Bà Lê Thị Chung - xã Y Sơn (huyện Hạ Hoà, tỉnh Phú Thọ) đã tham dự 2 lớp tập huấn (sử dụng biogas và quản lý trang trại và quản lý chất thải trang trại) và Bà Vũ Thị Liên - xã Nghĩa Tân (huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định) đã tham gia các lớp tập huấn về sử dụng biogas, họ nói rằng tài liệu đào tạo được trình bày rất tốt và dễ hiểu.

Kết quả Dự án	Mục tiêu / hành động được đề xuất	Tiến độ	Các vấn đề/thách thức
	về giới và sử dụng những hình ảnh minh họa thích hợp)		
	<p>9• T7. Ít nhất 50% các hoạt động tuyên truyền và tham vấn chỉ dành riêng cho các nhóm phụ nữ (ví dụ như sự kiện sẽ được thực hiện thông qua các cuộc gặp gỡ của hiệp hội phụ nữ) Được điều chỉnh thành 30% trong đợt ĐGGK</p>	<p>Đang thực hiện/chưa đạt được: 855 cuộc họp và hội thảo phổ biến đã được tổ chức với 24.981 người tham gia bao gồm 11.168 phụ nữ (45%). Chỉ có 97 cuộc họp và hội thảo dành cho phụ nữ, chiếm 11,4%.</p>	<p>Tư vấn với nhóm phụ nữ sẽ được thực hiện => PPMU tiến hành các sự kiện phổ biến và cuộc họp tham vấn với nhóm duy nhất của phụ nữ thông qua cuộc họp của hội phụ nữ địa phương để thông báo về dự án và công nghệ CSAWMP.</p>
	<p>10• T8. 30% các đề tài nghiên cứu (21 đề tài) liên quan đến vấn đề giới/các khía cạnh của công trình khí sinh học (KSH) như cải thiện bếp nấu ăn, cải thiện hệ thống sưởi ấm, đun nước nóng của hộ gia đình, công cụ chế biến nông sản sau thu hoạch/thiết bị sử dụng khí ga sinh học thân thiện với phụ nữ.</p>	<p>Đang thực hiện/gần đạt được: Trong 5 nghiên cứu CSAWMP đã được giao (Gói 25-29, có 2 nghiên cứu liên quan đến vấn đề giới. (Gói 26 và gói 27).⁵ Những nghiên cứu này đã thiết kế các hoạt động liên quan đến vấn đề giới. Gói 27: kết quả của gói này sẽ giúp nông dân giảm chi phí đầu tư, giảm lượng nước trong chăn nuôi (bằng cách không rửa chuồng, tắm cho lợn) và tiết kiệm thời gian cho phụ nữ và nam giới trong việc làm sạch chuồng trại;⁶ Gói 26: kết quả của gói này sẽ giúp người dân địa phương sử dụng hiệu quả chất thải chăn nuôi để tạo ra nguồn khí miễn phí để nấu ăn, tránh phá rừng lấy củi và tiết kiệm thời gian cho phụ nữ và nam giới trong nấu ăn và bảo vệ môi trường và bảo đảm sức khỏe của phụ nữ và gia đình tốt hơn</p>	<p>Các báo cáo tiến độ của gói 26 và 27 không đề cập đến các vấn đề liên quan đến giới. Các nhà thầu của Gói 26 và 27 cần báo cáo kết quả nghiên cứu liên quan đến giới tính của các nghiên cứu này cho ADB trong báo cáo tiếp theo.</p>

⁵ Gói số 26: Nghiên cứu cải thiện công nghệ khí sinh học và sử dụng hiệu quả khí sinh học theo chuỗi giá trị; Gói số 27: Nghiên cứu về công nghệ chăn nuôi lợn tiết kiệm nước

⁶ Phỏng vấn ông Tô Hiền Thành (thôn Danh Thượng, xã Danh Thắng, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang), người tham gia Gói 26, ông nhận được sự hỗ trợ của dự án xây dựng chuồng trại từ tháng 6/2018. Bây giờ anh ta đang nuôi 80 con lợn trong chuồng mới, và anh ta tiết kiệm tiền từ việc thuê công nhân, vợ con để tiết kiệm thời gian trong việc dọn chuồng (4 giờ mỗi ngày).

Kết quả Dự án	Mục tiêu / hành động được đề xuất	Tiến độ	Các vấn đề/thách thức																																																				
	<p>11• T9. Phụ nữ chiếm ít nhất 50% người được đào tạo về quản lý trang trại và quản lý chất thải trang trại. (Chuyển từ Sản phẩm 1 sang Sản phẩm 3)</p>	<p>Đang thực hiện/ đã đạt được một phần: Dự án đã tiến hành các khóa đào tạo về CSAWMP cho 21.983 nông dân bao gồm 10.680 phụ nữ (48.6%).</p> <table border="1" data-bbox="680 298 1498 739"> <thead> <tr> <th>PPMU</th> <th>Tổng số người tham dự</th> <th>Phụ nữ</th> <th>% Phụ nữ</th> </tr> </thead> <tbody> <tr><td>Lao Cai</td><td>945</td><td>380</td><td>40.21</td></tr> <tr><td>Son La</td><td>748</td><td>526</td><td>70.32</td></tr> <tr><td>Phu Tho</td><td>3,500</td><td>1,874</td><td>53.54</td></tr> <tr><td>Bac Giang</td><td>3,630</td><td>2,054</td><td>56.58</td></tr> <tr><td>Nam Dinh</td><td>4,365</td><td>2,102</td><td>48.16</td></tr> <tr><td>Ha Tinh</td><td>1,069</td><td>644</td><td>60.2</td></tr> <tr><td>Binh Dinh</td><td>1,401</td><td>472</td><td>33.69</td></tr> <tr><td>Tien Giang</td><td>2,754</td><td>1,176</td><td>42.70</td></tr> <tr><td>Ben Tre</td><td>840</td><td>192</td><td>22.86</td></tr> <tr><td>Soc Trang</td><td>2,731</td><td>1,260</td><td>46.14</td></tr> <tr><td>Tổng</td><td>21,983</td><td>10,680</td><td>48.6</td></tr> </tbody> </table>	PPMU	Tổng số người tham dự	Phụ nữ	% Phụ nữ	Lao Cai	945	380	40.21	Son La	748	526	70.32	Phu Tho	3,500	1,874	53.54	Bac Giang	3,630	2,054	56.58	Nam Dinh	4,365	2,102	48.16	Ha Tinh	1,069	644	60.2	Binh Dinh	1,401	472	33.69	Tien Giang	2,754	1,176	42.70	Ben Tre	840	192	22.86	Soc Trang	2,731	1,260	46.14	Tổng	21,983	10,680	48.6	<p>Một số tỉnh, tỷ lệ nữ tham gia các khóa đào tạo này chưa đạt được (Lào Cai, Bình Định, Tiền Giang, Bến Tre và Sóc Trăng)</p> <p>PPMU của các tỉnh này cần khuyến khích những người tham gia nữ thông qua phối hợp với Hội phụ nữ xã.</p>				
PPMU	Tổng số người tham dự	Phụ nữ	% Phụ nữ																																																				
Lao Cai	945	380	40.21																																																				
Son La	748	526	70.32																																																				
Phu Tho	3,500	1,874	53.54																																																				
Bac Giang	3,630	2,054	56.58																																																				
Nam Dinh	4,365	2,102	48.16																																																				
Ha Tinh	1,069	644	60.2																																																				
Binh Dinh	1,401	472	33.69																																																				
Tien Giang	2,754	1,176	42.70																																																				
Ben Tre	840	192	22.86																																																				
Soc Trang	2,731	1,260	46.14																																																				
Tổng	21,983	10,680	48.6																																																				
	<p>12• Lựa chọn và đào tạo ít nhất 40% cán bộ khuyến nông nữ trong nghiên cứu và tuyên truyền công nghệ nông nghiệp ứng phó CSAWMP Được điều chỉnh thành 30% trong đợt ĐGGK</p>	<p>Đang thực hiện/dã đạt được một phần: Toàn Dự án đã tổ chức các lớp đào tạo cho 1.434 cán bộ khuyến nông, trong đó có 413 nữ, đạt 28,8%;</p> <table border="1" data-bbox="680 877 1483 1347"> <thead> <tr> <th>PPMU</th> <th>PPMU</th> <th>Tổng số người tham dự</th> <th>Phụ nữ</th> </tr> </thead> <tbody> <tr><td>CPMU</td><td>274</td><td>82</td><td>29.9</td></tr> <tr><td>Lao Cai</td><td>39</td><td>16</td><td>41.03</td></tr> <tr><td>Son La</td><td>212</td><td>77</td><td>36.32</td></tr> <tr><td>Phu Tho</td><td>-</td><td>-</td><td>-</td></tr> <tr><td>Bac Giang</td><td>67</td><td>31</td><td>46.27</td></tr> <tr><td>Nam Dinh</td><td>100</td><td>50</td><td>50.00</td></tr> <tr><td>Ha Tinh</td><td>33</td><td>15</td><td>45.5</td></tr> <tr><td>Binh Dinh</td><td>387</td><td>82</td><td>21.19</td></tr> <tr><td>Tien Giang</td><td>-</td><td>-</td><td>-</td></tr> <tr><td>Ben Tre</td><td>322</td><td>60</td><td>18.63</td></tr> <tr><td>Soc Trang</td><td>-</td><td>-</td><td>-</td></tr> <tr><td>Tổng</td><td>1,434</td><td>413</td><td>28.8</td></tr> </tbody> </table>	PPMU	PPMU	Tổng số người tham dự	Phụ nữ	CPMU	274	82	29.9	Lao Cai	39	16	41.03	Son La	212	77	36.32	Phu Tho	-	-	-	Bac Giang	67	31	46.27	Nam Dinh	100	50	50.00	Ha Tinh	33	15	45.5	Binh Dinh	387	82	21.19	Tien Giang	-	-	-	Ben Tre	322	60	18.63	Soc Trang	-	-	-	Tổng	1,434	413	28.8	
PPMU	PPMU	Tổng số người tham dự	Phụ nữ																																																				
CPMU	274	82	29.9																																																				
Lao Cai	39	16	41.03																																																				
Son La	212	77	36.32																																																				
Phu Tho	-	-	-																																																				
Bac Giang	67	31	46.27																																																				
Nam Dinh	100	50	50.00																																																				
Ha Tinh	33	15	45.5																																																				
Binh Dinh	387	82	21.19																																																				
Tien Giang	-	-	-																																																				
Ben Tre	322	60	18.63																																																				
Soc Trang	-	-	-																																																				
Tổng	1,434	413	28.8																																																				

Kết quả Dự án	Mục tiêu / hành động được đề xuất	Tiến độ	Các vấn đề/thách thức
	13• A3. Tuân thủ pháp luật (ví dụ như hợp đồng lao động) và hỗ trợ thù lao cho các cán bộ khuyến nông giỏi.	<ul style="list-style-type: none"> • Đang thực hiện/đã đạt được: Tất cả cán bộ khuyến nông tham dự các khóa đào tạo TOT đều đã được hỗ trợ công tác phí và phát chứng chỉ. 	
	14. T11. 30% nhân viên của các tổ chức tham gia được đào tạo về vận hành và bảo dưỡng thiết bị nghiên cứu là phụ nữ	<ul style="list-style-type: none"> • Đang thực hiện/đã đạt được: Gói 14 đã được trao cho nhà thầu, các khóa đào tạo về O & M của thiết bị nghiên cứu được triển khai vào năm 2018 với 366 người tham gia bao gồm 127 người tham gia là nữ (34,7%). 	
4.Quản lý dự án hiệu quả	15. A4. Hỗ trợ quản lý dự án: CPMU và PPMU phải cử ra một cán bộ chuyên trách chịu trách nhiệm về các vấn đề liên quan đến giới và dân tộc thiểu số.	<ul style="list-style-type: none"> • Đã đạt được: CPMU và mỗi PPMU đã cử ra cán bộ làm đầu mối giải quyết các vấn đề liên quan đến giới và DTTS. Cán bộ đầu mối về giới đã được bổ nhiệm năm 2016 (11 cán bộ đầu mối cho giới: 01 cán bộ của CPMU và 10 cán bộ của 10 tỉnh) 	
	16. A5. Các hội thảo về giới dành cho tất cả nhân viên dự án, nhà thầu, cán bộ khuyến nông và thú y, ban chỉ đạo của các tổ chức liên quan sẽ được tổ chức ở các cấp tỉnh, huyện và xã là một phần trong chương trình định hướng của dự án	<ul style="list-style-type: none"> • Đã đạt được: Dự án đã thực hiện các khóa đào tạo nâng cao nhận thức về giới và dân tộc thiểu số cho nhân viên dự án, nhà thầu và các bên liên quan khác. Trong tổng số 445 người tham gia, trong đó có 230 người là nữ (51,7%). 129 (100%) cán bộ từ CPMU và PPMU đã tham gia các khóa đào tạo về Giới. 	
	17• A6. Xây dựng và cập nhật dữ liệu về phân tách giới và dân tộc thiểu số là một phần trong hệ	<ul style="list-style-type: none"> • Đã đạt được: <ul style="list-style-type: none"> (i) Chuyên gia tư vấn về M&E đã triển khai hệ thống M&E và các mẫu dữ liệu về phân tách giới và dân tộc thiểu số. (ii) Cơ sở dữ liệu về các hàm KSH được chuyển vào một phần mềm quản lý dữ liệu và đã được cập nhật theo tiến độ xây dựng hàm cùng 	

Kết quả Dự án	Mục tiêu / hành động được đề xuất	Tiến độ	Các vấn đề/thách thức																																																				
	thống báo cáo và công tác giám sát, đánh giá dự án.	với số liệu phân tách giới và dân tộc thiểu số																																																					
	18• T12. 30% cán bộ của CPMU và PPMU là nữ.	<p>• Đã đạt được: Đã thành lập một CPMU và 10 PPMU vào quý 2 năm 2013. Tính đến tháng 28/2/2019, có 56 trên tổng số 129 nhân viên là nữ, (43.41%).</p> <table border="1" data-bbox="676 360 1426 829"> <thead> <tr> <th>Tỉnh</th> <th>Tổng</th> <th>Nữ</th> <th>% nữ</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>CPMU</td> <td>23</td> <td>14</td> <td>60.87</td> </tr> <tr> <td>Lào Cai</td> <td>11</td> <td>4</td> <td>36.36</td> </tr> <tr> <td>Sơn La</td> <td>5</td> <td>1</td> <td>20.00</td> </tr> <tr> <td>Phú Thọ</td> <td>14</td> <td>6</td> <td>42.86</td> </tr> <tr> <td>Bắc Giang</td> <td>10</td> <td>5</td> <td>50.00</td> </tr> <tr> <td>Nam Định</td> <td>15</td> <td>5</td> <td>33.33</td> </tr> <tr> <td>Hà Tĩnh</td> <td>10</td> <td>4</td> <td>40.00</td> </tr> <tr> <td>Bình Định</td> <td>10</td> <td>3</td> <td>30.00</td> </tr> <tr> <td>Tiền Giang</td> <td>7</td> <td>4</td> <td>57.14</td> </tr> <tr> <td>Bến Tre</td> <td>11</td> <td>6</td> <td>54.55</td> </tr> <tr> <td>Sóc Trăng</td> <td>13</td> <td>4</td> <td>30.77</td> </tr> <tr> <td>Tổng</td> <td>129</td> <td>56</td> <td>43.41</td> </tr> </tbody> </table>	Tỉnh	Tổng	Nữ	% nữ	CPMU	23	14	60.87	Lào Cai	11	4	36.36	Sơn La	5	1	20.00	Phú Thọ	14	6	42.86	Bắc Giang	10	5	50.00	Nam Định	15	5	33.33	Hà Tĩnh	10	4	40.00	Bình Định	10	3	30.00	Tiền Giang	7	4	57.14	Bến Tre	11	6	54.55	Sóc Trăng	13	4	30.77	Tổng	129	56	43.41	
Tỉnh	Tổng	Nữ	% nữ																																																				
CPMU	23	14	60.87																																																				
Lào Cai	11	4	36.36																																																				
Sơn La	5	1	20.00																																																				
Phú Thọ	14	6	42.86																																																				
Bắc Giang	10	5	50.00																																																				
Nam Định	15	5	33.33																																																				
Hà Tĩnh	10	4	40.00																																																				
Bình Định	10	3	30.00																																																				
Tiền Giang	7	4	57.14																																																				
Bến Tre	11	6	54.55																																																				
Sóc Trăng	13	4	30.77																																																				
Tổng	129	56	43.41																																																				

BẢNG CẬP NHẬT CÁC BIỆN PHÁP GIẢM THIỂU RỦI RO TRONG QUẢN LÝ TÀI CHÍNH

FM RMM (Kế hoạch hành động FMA) Chi tiết/ mô tả		Thời gian ngày	Đến hạn? / kế hoạch hành động có/không / đã hoàn thành (có/không/không áp)		Mô tả các hoạt động đã thực hiện	Date of last action plans monitoring (dd/mm/yyyy)	Chi tiết về BTOR, Biên bản, etc. (Ngày hoặc tài liệu tham chiếu)
Kế hoạch giảm thiểu	Trách nhiệm						
Cung cấp đào tạo và hướng dẫn bằng văn bản về thủ tục ADB	EA/ADB	Trong quá trình thực hiện dự án	Có	Có	Tập huấn về giải ngân và FM do ADB cung cấp	2018	Đội hình đào tạo
Chuẩn bị ĐKTC xác định nhiệm vụ, trách nhiệm, dòng giám sát và giới hạn thẩm quyền cho tất cả cán bộ, quản lý và nhân viên	EA	Trong quá trình thực hiện dự án	Có	Có	Quyết định của APMB về nhiệm vụ, trách nhiệm, dòng giám sát và giới hạn thẩm quyền đối với tất cả các cán bộ, quản lý và nhân viên	Mar-19	
Chuẩn bị một số tay tài chính dự án được ADB chấp nhận	EA	Trong quá trình thực hiện dự án	Có	Có	Hướng dẫn quản lý tài chính	11/2013	Hướng dẫn quản lý tài chính
Phần mềm kế toán, với biểu đồ tài khoản đầy đủ, có khả năng tạo báo cáo xác định danh mục chi tiêu / giải ngân, thành phần dự án và nguồn vốn.	EA	Trong quá trình thực hiện dự án	Có	Có	Kiểm tra bởi các kiểm toán viên độc lập	2018	Phần mềm kế toán tuân theo Thông tư 107 và VAS (phần mềm DTH)
Kiểm soát tại chỗ để chuẩn bị và phê duyệt các giao dịch	EA	Trong quá trình thực hiện dự án	Có	Có	Hướng dẫn quản lý tài chính	Mar-19	Hướng dẫn quản lý tài chính
Tất cả các tài liệu kế toán và hỗ trợ sẽ được giữ lại trên cơ sở vĩnh viễn với quyền truy cập dễ dàng	EA	Trong quá trình thực hiện dự án	Có	Có	Hướng dẫn quản lý tài chính	Mar-19	Hướng dẫn quản lý tài chính
Các chức năng giám sát và kiểm toán nội bộ thường xuyên được xây dựng để giám sát các giao dịch và được ghi lại trong PAM	EA	Trong quá trình thực hiện dự án	Có	Có	Hàng năm, Phòng Tài chính của APMU tổ chức giám sát và giám sát các hoạt động tài chính của CPMU và PPMU. Ngoài ra, vào tháng 7 hoặc tháng 8, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sẽ tiến hành xác minh việc giải quyết hàng năm các hoạt động của dự án.	8/2018	